

Năm thứ hai — Số 59

Tuần-lễ từ thứ tư 12 Août

đến thứ ba 18 Août 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần

Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

Trong số này :

- | | |
|--|--------------------------|
| Văn-học ta xưa sở dĩ phát-triển được, một phần lớn cũng là nhờ công những bà vợ hiền | Hoa-Bằng |
| Tra nghĩa chữ nho (XIII) | Nguyễn văn-Tổ |
| Phê-bình « Bóng mờ » | Kiều thanh-Quế |
| Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ (XXXVI) | Ứng-Học |
| Một giờ với nhà văn Song-An Hoàng ngọc-Phách (I) | Lê-Thành |
| Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (Du-ký, II) | Nhật-Nham |
| Những ông nghề triều Lê (XXXII) | Ứng-Học Nguyễn văn-Tổ |
| Trở lại vấn-đề liên Mỹ và chủ nghĩa Monroe (hết) | Nhật-Nham |
| Những sự thay-đổi trong ban tiểu học Pháp | Nhân-Nghĩa |
| Những ngày « lịch-sử » trong tháng Août | Long-Điền |
| Nam dân bát châu, tục thảo (II) | Tàng-vân Nguyễn đôn-Phục |
| Bản sách dẫn về « Đại nam liệt-truyện » (III) | Thọ-xuân Lê văn-Phúc |
| Trúc mai sum-hợp (VIII) | Chu-Thiên |

Văn-học ta xưa sở dĩ phát- CŨNG LÀ NHỎ' CÔNG

VIỆT-nam vốn có tiếng là một nước trọng học, sùng văn. Mấy nghìn năm nay, dưới cái khuynh-hướng và sùng-thượng ấy, đã đào-tạo được một hạng sĩ-phu đem sở-học phụng-sự quốc-gia, lấy văn-chương phần - sức thái-bình, cảm ngời bút điềm-tổ non nước, nâng trình-độ văn-hóa nước nhà càng ngày càng lên cái nấc cao hơn, đẹp hơn.

Tại sao trong văn học giới ta hái được kết quả tốt đẹp như vậy?

Ngoài thói hiếu-thượng của các thời-đại và sức khuyến khích của các nhà cầm quyền, một phần lớn cũng là nhờ ở các bà vợ hiền của những nhà văn-học chân chính. « Chẳng tham ruộng cả, ao liền, chỉ tham cái bút, cái nghiên anh đồ ».

Và

« Khuyến chàng đọc phú, ngâm thơ,
Đầu hao, thiếp rót; đèn mờ,
thiếp khâu ».

Mấy câu ca-đạo ấy đã tả vẽ được cái tâm-lý chung của một lớp phụ-nữ xưa chỉ vì yêu cái bút, quý cái nghiên mà hi-sinh hết thảy, suốt đời vì anh đồ mà thất lưng buộc bụng, mà gồng nặng, gánh nhẹ, mà buồn tần bán tảo, mong giúp anh đồ thành danh. Phải, còn gì hạnh-phúc bằng, thi-vị bằng một bức tranh sống bầy trong túp nhà tranh kia: Dưới ngọn đèn yểu ỏi, anh chồng cất tiếng sang sảng, trong trẻo, ngâm nga những bài văn đặc gọt với một giọng trầm bổng du dương. Bên chàng, một

mỹ-nhân, ăn bận mộc mạc, không son phấn, dịu-dàng ngồi lắng tai nghe với một điềm bộ hồn nhiên, thùy mỵ, rồi thỉnh thoảng nàng giơ bàn tay yếu đuối ra, rót dầu, khuấy bắc, để cho chàng cứ được tiếp tục cái hứng thú ngấm đọc thơ phú trong lúc cảnh vắng, đêm khuya.

..

Chính những bà vợ hiền ấy thật đã tặng cho bộ « Việt-nam văn-học sử » biết bao những trang thơm tho, rực-rỡ.

Cụ Lương-Khê Phan Thanh-Giản, ngoài những công nghiệp lo nước, giúp dân, lại làm được những tác-phẩm (1) như Du kinh tập thảo (1826), Toái cầm thi tập (1827), Kim đài thảo (1832), Minh-mạng chánh yếu (1837), Việt-sử thông giám cương mục (đứng tổng-tái làm chung từ năm 1856), Như Tây nhật trình (1863), và Lương-Khê thi văn tập (2), phải chăng cũng nhờ sức giúp-đỡ của bà Lương-Khê?

Tôi nói « giúp đỡ » đây không phải là bà Phan « gà » văn hay nghĩ bài hộ chồng đấu, song nhờ bàn tay củ gừng tề gia nội trợ của vợ hiền, cụ Phan mới yên tâm mà làm việc cho quốc-dân, cho văn-học. Chứng cứ ấy tôi tìm thấy ở một bài thơ nôm của Phan Lương Khê:

« Từ thừa vương mang mối chỉ hồng.
Tình này ghi tạc có non sông.
Đường mây cưỡi kẻ ham dong ruổi,

Chương liễu thương ai chịu lạnh-lùng!
Ơn nước, nợ trai, đành nổi phận.
Cha già, nhà khó, cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn dò khi lâm biệt,
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỡi lòng... »
— Gửi cho vợ

Ta nên chú ý đến câu « cha già, nhà khó, cậy nhau cùng... »

Cụ Lương-Khê tuy làm quan, nhưng nhà rất thanh-bach, vì các bậc chán nho xưa thờ chủ nghĩa « tri trạch », lấy liêm khiết làm đầu, cao treo tấm gương « tuần-lương » cho đương thời và hậu thế. Ở trong một gia-đình, nhà đã khó, cha lại già, người phải gánh vác « giang-sơn nhà chồng » ấy không phải không nhọc nhằn vất-vả: Đối với cha già, bữa sớm, bữa hôm, rau cháo sao cho hết đạo? Lúc yếu đau, việc thang thuốc, thần hôn sao cho thay được lòng chồng?

Nào có thể thôi đâu, dưới gối còn một đàn con, bà hiền phụ ấy lại phải thay chồng trong khi « dong ruổi đường mây » không có thì-giờ làm việc phủ dục, mà nuôi cho con lớn lên, giúp cho con đi học, dạy cho con khôn biết, để chồng có thể cứ yên tâm mà dền « ơn nước », trả « nợ trai ».

Nếu cụ Lương-Khê không gặp được người « bạn buồng the » lúc nào cũng dính ninh nhớ được « mấy lời dặn dò khi lâm biệt », thì chắc đâu cụ đã lưu được những nét vĩ-đại phi thường in trên những trang quốc-sử và văn-học sử Việt-nam cận đại?

triển được, một phần lớn NHỮ'NG BÀ VỢ' HIỀN

HOA-BÀNG

Nói đến S. N. tiên-sinh, chắc ai cũng nhớ nhiều bài danh văn của tiên-sinh đã viết.

Dưới trời thu, một hôm, tiên-sinh chơi thuyền trên sông Hương, đối cảnh trạnh lòng, cảm thương trước tấn tuồng hưng phế, bất giác thốt ra mấy vần phú đầy bi-tráng lâm-lý:

« Ngõ lác đác mưa,
Trúc hiu-hiu gió.
Lau ú màu xanh,
Phong phớt lá đỏ.

Đài Ngõ lấp ló dấu hươu nai, cờ phát-phới lá vàng thêu mấy sắc;

Bến Sở lơ-mờ tám vượn hạc, hồn tề-mê suối đỏ khoe bao hỡi... »

—Hương giang thu phiếm phá
Lại một đêm, đêm rằm tháng tám, tiên-sinh tuy có rượu, nhưng không được uống ánh trăng, tiên-sinh ngáy ngất bàng-khuàng, viết ra mấy vần thơ rất trọi về mặt nghệ-thuật:

« Gió vàng thấp thoáng đưa hương quế;
Mây bạc lan-man giầu bóng hàng lê »
—Rằm tháng tam không trăng
Tại sao tiên-sinh được cảnh minh mà làm thành những vần phú

hay, câu thơ đẹp như thế, ngoài những công-cuộc vĩ đại khác của tiên-sinh?

Tất ai cũ g phải nhìn nhận rằng nhờ có bàn tay tương-trợ của bà hiền phụ.

Ta thử tưởng-tượng: lúc trẻ, tiên-sinh là một tay hàn sĩ, nhà nghèo, lại giao du rộng, mỗi lần khách đến là một lần khiến bà chủ trong gia đình thanh bạch ấy có cái lo đến phải « cắt tóc » để chạy gà gỏi cúng tân! Thế mà bà ấy vẫn xử trí được ung dung, cha già vẫn đủ đồ ngọt bùi, con mọn vẫn được no ấm, chồng vẫn được yên tâm học hành và hoạt động mọi việc xã hội, khách khứa đến chơi vẫn được vui vẻ cùng chồng luận văn, đàm luận.

Người ta không bao giờ quên mấy lời khẳng khái của bà khi tiễn biệt ông chồng đi theo tiếng gọi của thần Nghĩa vụ: « Việc của thầy(3), thầy cứ làm, tôi không biết đến... »

Thế rồi « dầu nắng, dầu mưa, dầu giông hồi tố trận »(4), bà hiền phụ ấy cứ lần chuỗi ngày « tấn-khổ » cho tới khi đầu bạc rắng long. Rồi một ngày kia, người ta

thấy đám tang không kèn không trống, khởi hành từ chiếc nhà tranh xéo tổ tiêu-diêu đưa người liệt phụ ấy đến nơi yên-nghỉ cuối cùng giữa một cánh đồng hiu-quạnh trong khi vắng mặt chồng già.

Bà ấy đã chết, chết trong lạnh lẽo âm thầm, nhưng đã đắc thắng trong việc giúp chồng thành người của lịch-sử.

..

Khi phê-bình Tú Xương, ông Trần Thanh-Mại, tác-giả « Trông giông sông Vị », có viết về bà Tú: « Có những người đàn bà sinh ra để mà cầm thanh kiếm, cưỡi cò voi, quân đốc hàng vạn hùng binh, đánh thành này, thâu lũy nọ. Những vị cán-quốc anh hùng ấy danh tiếng lẫy lừng trong lịch-sử. Lại có một hạng phụ nữ — mà ta đừng tưởng rằng hạng này nhiều hơn — sinh ra chỉ để cầm cán chổi, coi bầy lợn, xem công việc nhà là không ơnh - liệt, không vinh dự bằng, nhưng kẻ ra, công trạng họ đối với tiền đồ, với lđ-quốc, với văn - minh, không phải là nhỏ thua đâu. Thế mà hạng người ấy không ai thèm đếm xỉa đến. Vì sao lại có sự thiếu-sót bất công ấy? Vì sao lại có cái thiên-vị ấy? Lắm lòng sùng thượng của người đời lắm khi cũng còn sai lặt hoặc câu thả lảm thây!

« Đó là những tư-tưởng nọ đến trước hết trong trí tôi mỗi khi tôi nghĩ đến bà Tú Xương.

« Sinh trong một cảnh thối - đã âm-đem, trong bầu không khí trichg sạch bao bọc làng Phú-nghĩa

ĐÃ IN XONG

CHỮ NHO HỌC LÂY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ TRẠC soạn
ĐÔNG-TÂY thư quán, 195 hàng Bông Hanoi xuất bản
Mỗi quyển giá 1p00 cước thường 0p12
Các hiệu sách n.ua buôn có trữ hoa hồng hậu.

huộc huyện Mỹ-lộc, Nam - định, bà Tú Xương là một người có tất cả các đức hạnh của người đàn-bà theo lý tưởng Khổng giáo. Có mà không tự biết. Cái hay, cái cae-huống là ở chỗ đó...» (1.G.S. V. trang 37).

Phải, ngày nay, mỗi khi tết đến, tác giả mấy bài thơ « chúc tết » còn được truyền tụng ở cửa miệng người đời và sau này, « Vị-xuyên có bác Tú Xương » sẽ được ghi tên trong văn - học sử, chính là nhờ công bà Tú Xương đã suốt đời vì chồng, cúc cung tận tụy đấy.

Nếu không có bà :

«Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo-xèo mặt nước lúc dò đồng.

thì Tú Xương chưa-chắc đã có can-dảm dám ngông - cuồng liều lĩnh, chỉ nay đi chơi, mai đi hát, rồi làm được những bài thơ lỗi-lạc tài-hoa.

Vì bà « năm nắng mười mưa dám quản công », nên ông Tú mới « tiền-bạc mặc thấy con mụ kiếm », tha hồ ngâm hoa, cợt nguyệt, dệt thành những câu hoa gấm trong bước giang hồ.

Vậy, nay mỗi khi đọc đến thi phẩm của Tú Xương, ta không nên quên bà Tú đã có công ngầm giúp vào cuộc tiến-hóa chung của

đất nước.

Mà chẳng phải chỉ có một mình bà Tú Xương đã lên đứng vào hàng-ngũ văn học để giúp chồng được nên danh như thế đâu, còn biết bao bà vợ nhà nho vì muốn làm tròn thiên chức thiêng liêng người hiền - phụ, phải rốc cạo bao chén đắng cay, giúp chồng con hát bài đắc thắng trên trận bút đàn văn, lưu được sự nghiệp bất hủ trong văn-học giới.

Các bà ấy là những tay anh-hùng vô-danh, với can-dảm, nghị lực và kiên-nhẫn, đòi phen phấn đấu với đói rét, phấn đấu với tật bệnh, phấn đấu với nghèo - nàn, phấn đấu với hoàn - cảnh ác liệt, trăm trận đánh quen, mới giúp ngầm chồng con giết được phần thưởng danh-dự.

Cách đây độ 50 năm trở về trước, hạng sĩ ở xứ ta, những khi còn là « vị vũ chi giao long » hay « ăn sơn chi hồ báo », chỉ quen sống cái đời :

« Ngâm thơ, đọc phú kêu như chuông,
Đắp núi, uốn cây khéo hơn vè »
(5).

Nếu không có các bà vợ hiền giúp việc tảo tần, thì vì sinh kế áp bách, các cụ ông cũng đến xếp bút, xếp nghiên, xếp chi-khi, rồi có lẽ liều tình để trắng hết cả những trang văn-học sử hàng nghìn năm mà không đánh dấu được một nét gì đáng gọi là quan trọng nữa !

Trên tờ Dân-Báo ngày 7 Juillet 1942 có đăng mấy lời tuyên ngôn của Đại-tá Yahagi, chánh ty báo giới của quân đội Nhật, mà Tiếng Dân số 1690, ngày 15-7-42 có thuật lại :

« Quân sĩ Nhật sở dĩ đánh giặc được can-dảm là bởi họ không phải lo lắng về gia-dình của họ và hiểu rằng gia-dình họ đã được

vợ con điều khiển hẳn hoi ».

Vậy ta sao lại không thể nói : Nhiều nhà văn-học ta sở dĩ có can đảm viết văn, là vì họ có vợ hiền cặm-cui ở nhà giúp chồng, nuôi con, điều-khiển công - việc gia-dình để họ có thể yên lòng cứ theo đuổi việc làm trên đường văn học ?

Gần nay phong-trào phụ-nữ đã rung-động toàn-quốc. Phái phụ-nữ đã hấp-thụ được nhiều anh-hoa của tinh-thần Đại-Việt tuy có đôi chút hình-thức bề ngoài cho hợp thời, nhưng vẫn giữ được cốt-cách tinh túy, theo đúng chủ nghĩa « tả thuận », đứng bên chồng con, giúp đỡ thúc-giục để chồng con cứ hăng hai tiến-thủ, tận tâm phụng - sự văn học nước nhà.

Đó là phần cao - siêu của hồn Đại-Việt !

Đó là đức tốt, điều hay đang khuyến-khích biểu dương vì văn-học-giới !

HOA-BẰNG

1. Tham khảo : Một đăng trung-thần Phan Thanh-Giản (chữ « Giản » nguyên-văn có thêm g) của Thượng-Tân-Thị đăng trong Tân Văn Tuần Báo, số 76, ngày 15 Février, 1936, trang 9 ; *Đôi chuyện về Phan Thanh-Giản* của Lê Thọ-Xuân đăng trong Tri-Tân số 4, trang 7, 8, 14.

2. Trong bộ *Lương-khê* này gồm có *Lương-khê thi thảo* 18 quyển, *Lương-khê văn thảo* 3 quyển, *Thi thảo bỏ đi* 1 quyển và *Văn thảo bỏ đi* 1 quyển.

3. Tiếng « thầy » mà các cụ bà xưa dùng để kêu chồng đây cũng như chữ « phu-tử » trong hán văn. Ý muốn tỏ ra tôn kính chồng, coi chồng như bậc thầy dạy.

4. Chữ trong bài văn tế đồng bào Nghệ Tĩnh chết vì-lực bão của S. N. tiên-sinh.

5. Hai câu này của cụ kếp Nhã-am Nguyễn văn-Trình tặng Gia tiên nghiêm,

Các bạn
cầu may !

bỏ 1 đồng

mua vé số

Đông - Pháp

biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

TRA NGHĨA CHỮ NHỎ

Số 13

VIII. - Chữ k

Ông Lê Văn-Hòe quên không thêm chữ *kết thảo* và chữ *hàm hoàn* vào chữ *kết cỏ ngậm vành* ở trang 129 quyển *Tâm nguyên từ-diễn*. Sách *Tục Tề hải-ký* chép « Dương-Bảo lên chín tuổi, đến phía bắc núi Hoa-âm — chữ nhỏ là « trí Hoa-âm sơn bắc » : ông Lê Văn-Hòe chép là « qua núi Hoa - sơn », — thấy « một con hoàng-tước bị giống cú vọ đánh lẫn xuống đất (*Từ-nguyên* chưa *hoàng-tước* là một giống chim sẻ mình nhỏ, mỏ và chân vàng : con cái lưng vàng, con đực lưng đỏ). Dương-Bảo đem về để ở trong lồng, trùm cái khăn ở trên — chữ nhỏ gọi là *cán - sương* — nuôi bằng hoa cúc vàng hơn một trăm ngày, lông cánh lại mọc, rồi bay đi. Đêm ấy có đứa trẻ con mặc áo vàng, đến trước mặt Dương-Bảo, lạy hai lạy, nói rằng : « Tôi là sứ-giã Tây-vương-mẫu ; người là người nhân-ái cứu vớt tôi, thực cảm tạ cái lòng tế-độ của người ». Rồi lấy bốn cái vòng ngọc trắng — *bach hoàn* — đưa cho Dương-Bảo, nói rằng : « Con cháu linh-quân là người khiết-bạch, ngôi đến tam-công — « *vị dăng tam-sự* » — được thiên-hạ quý trọng như vòng ngọc này ». *Từ-nguyên* chưa : « Ngày nay gọi việc báo ơn là « *hoàng-tước hàm hoàn* », nghĩa là chim sẻ vàng ngậm vành, tức là ở *diễn* này mà ra ». Còn chữ *kết thảo* là kết cỏ, *Từ-nguyên* cắt nghĩa là báo ơn sau khi chết, và chép đời Xuân-thu, Ngụy-Khảo nước Tấn cho người vợ góa thứ hai của cha đi lấy chồng — « *giả kỳ phụ chi di-thiếp* » — không theo lời

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỔ

cha bắt chôn theo. Sau Ngụy-Khảo đánh nhau với người nước Tấn là Đỗ-Hồi, sắp thua thì hình như trông thấy một người già kết cỏ để hại Đỗ-Hồi — « *kiến lão-nhân kết thảo dĩ cang Hồi* » — thành ra Ngụy-Khảo được. Đêm mộng thấy ông già nói rằng : « Tôi là cha người đàn bà mà ông cho đi lấy chồng, cho nên tôi oán cỏ làm cho Đỗ-Hồi thua để báo ơn ông ». Lời cảm ơn thường dùng hai *diễn* này, gọi lúc sống là ngậm vành, lúc chết là kết cỏ.

Ở trang 130 quyển *từ-diễn* của ông Lê Văn-Hòe, nên thêm một nghĩa nữa vào chữ *kết phát*, nói trong khi thiếu-niên còn kết tóc — « *thúc phát* » — như câu sau này trong truyện Lý - Quảng : « *Tự kết phát giữ Hung-nô chiến v. v.* », nghĩa là từ lúc còn kết tóc, cùng đánh nhau với Hung-nô, v. v. Không phải như ngày nay gọi kết tóc vợ chồng : « *phi kim sở vị kết phát phu thê giả* ». *Từ-nguyên* nói rõ chữ *kết tóc* về nghĩa vợ chồng, là tối thành-hôn vợ chồng cùng kết tóc cho nhau, cho nên *kết phát* cũng dùng để gọi người vợ cả (nguyên phối) : nghĩa này bắt đầu dùng từ đời Hán. Còn chữ *khiển ti* là kéo tơ, thì *Từ-nguyên* chưa hai nghĩa : một là kéo « *lời nói của vua như tơ* » — « *vương ngôn như ti* » — để mà làm quan ; nhưng *Từ-nguyên* lại phê rằng cắt nghĩa như thế : « *giống như bịa đặt* » — « *cận ư xuyên - tặc* ». Nghĩa thứ hai là chuyện kết hôn. *Khai thiên di-sự* chép « *đời Đường, có Quách Nguyên - Chấn, người phong tư đẹp. Tề tướng là Trương Gia-Trình muốn nhận làm rể,*

bảo rằng : « *Ta có năm con gái, đều cầm một sợi tơ ở sau màn, người kéo được sợi nào thì lấy người ấy làm vợ* ». Nguyên-Chấn kéo một sợi được người con gái thứ ba có sắc đẹp. » *Từ - nguyên* « *xét Nguyên - Chấn sinh trước đời Gia - Trinh* », vậy « *việc này không đủ tin : các bậc tiền - nho cũng đã biện-bạch rồi* ». Như thế *se-tơ* của ta nên chép vào chuyện Vi-Cổ mới phải (*Tri-tân*, số 53, trang 5.6)

Ở trang 131, ông Lê Văn-Hòe chỉ cắt nghĩa chữ *kiêu* là *kiêu-ngạo*, và ngựa bất kham. *Từ-nguyên* còn chưa nghĩa :

— 1, ngựa sáu (thước trở lên (thước tào) ;

— 2, dáng con ngựa khỏe mạnh ;

— 3, kiêu cách.

Ở trang 132, dưới chữ *kiêu tử* là hai cha con, nên chưa rằng chữ *kiêu* ở chỗ này có khi viết bỏ chữ *mộc* bên.

Kiêu-mộc là cây lên cao rồi mới chia cành. *Từ-nguyên* nói ngày nay thường gọi *kiêu-mộc* là những cây cành rễ dài hai ba trượng trở lên (mỗi trượng bốn thước tây) còn *quán-mộc* là cây mọc từng bụi, như cây hồng (tường-vi), cây mẫu-đơn ; ngày nay thường dùng để gọi những cây cành rễ thấp nhỏ gần đất.

Ở trang 133, dưới chữ *kim-âu*, ông Lê Văn-Hòe nói rằng : « *Người ta thường ví một nước thái-bình thịnh-trị với cái âu vàng* ». *Từ-nguyên* nói là « *dụ cương-thô chỉ hoàn cổ giả* », nghĩa là ví cối đất bền chặt chứ không phải thái-bình. Tự-vị Khang-hi cũng cắt nghĩa chữ *kim* là « *kiên giả* », nghĩa là vững bền. Nam - sử, là sử Nam-Bắc triều, có câu : « *Vũ-đế ngôn : Ngã quốc-gia do-nhược kim-âu, vô nhất thương khuyết* », nghĩa là Vũ-đế nói : Nhà nước ta cũng như kim-âu, không sát

xem tiếp trang 16

Phê-bình

« BÓNG MƠ »

Tiểu-thuyết của bà Tú Hoa

KIỀU THANH-QUÊ viết

MỘT người quí tộc trong bài kịch của Shakespeare, vốn là tay nịnh dâm giối và chơi sách sành, bàn về các sách có thể góp lưng vào trong thư-viện gia-đình ông, bảo rằng :

— Tôi muốn cho các sách ấy phải được đóng khéo, mạ chữ vàng tốt và nhứt là phải nói đến ái-tình và đàn bà.

Ái-tình và đàn bà ! Đó là nguồn cảm-hứng vô tận, trong đó ngọn bút nhà văn chấm vào, để viết nên bao nhiêu tiểu-thuyết hiện-đại. « Người đàn bà là kiệt tác của vũ trụ (1) » có khác ! Và « ở nguồn gốc tất cả sự quan trọng đều có một người đàn bà » (2). Thế nên hầu hết bao nhiêu nhà tiểu thuyết xưa ta đều nói về đàn bà và rón tìm hiểu cái gì đã vừa ý đàn-bà.

Đàn bà họ chỉ biết và thích tìm trong tiểu-thuyết có sự bí ẩn của lòng họ và của quả tim những kẻ tình địch của họ thôi.

Mà đối với sự bí ẩn của lòng đàn-bà dễ thường các nữ sĩ có chỗ thiếu đáo hơn ngọn bút đàn ông... (Tôi chỉ bảo là « dễ thường... », chứ tôi chưa dám quyết đoán).

Ở Âu-Mỹ hiện nay, bà Vicki Baum, bà Rosamond Lehmann, bà Virginia Woolf, bà Claude Sylvain viết tiểu-thuyết loại tình cảm ai cũng thích đọc, cũng cho là rất khám phá.

Văn-học quốc-ngữ cận đại có được hai ba nữ sĩ viết tiểu-thuyết tác-giả *Một linh hồn*, bà Thụy-An, tác-giả *Một chuyện tình 15 năm*

về trước. Những vành khăn trắng, bà Lưu thị Hạnh và bà Tú Hoa— một người đàn bà Nam kỳ trong huyết quản, bằng một lối văn Nam-kỳ, đặc biệt với các thổ âm cổ-hữu của nó, đem phổ diễn « những ý nghĩ hạnh-phúc phớt qua trí như một bóng mơ ».

Hạnh-phúc của Chương, Lan — của đôi vợ chồng son trẻ ấy — khác nào một bóng mơ !

Thật vậy, hạnh-phúc làm sao được, một khi đối với Lan, « lấy chồng như sắp được thêm món phở hoa. Có ai mách nàng được biết người đàn bà phải tin ngưỡng vào hôn-nhơn để tìm lẽ sống và hạnh-phúc trong hôn phận làm vợ. Lan lấy Chương để yêu nhưng yêu bằng trái tim chưa từng tha thiết đập vì ái tình. — Những kẻ không hề biết sự vô cùng tận của trời đất, nhìn những lớn-lao nào cũng tưởng có chừng hạn. Lan thấy tấm lòng đối với Chương thẳng-thắn, đúng mực. Nàng đâu hiểu ái tình cũng như vũ trụ vẫn vô-cùng, vô tận. Nàng yêu Chương một cách dịu dàng chơn-thật, song thiếu sâu xa và không bền chắc » (trang 27).

Lấy nhau vì tình có những tệ-hại như thế nào, chúng tôi đã nói đến trong bài phê bình quyển *Lấy nhau vì tình* của Vũ trọng-Phụng (in trong tập *Phê bình văn học II* sắp xuất bản).

Còn lấy nhau không vì tình như Chương, Lan trong *Bóng mơ*, rốt cuộc chỉ đưa đến sự muốn đề bỏ nhau thôi. Vì còn gì

vô lý bằng phải ăn ở với nhau khi mà người ta không thể chịu được sự thấy mặt nhau hằng ngày, bởi chẳng hiểu nhau !

Chương, Lan không hiểu nhau vì « những khát vọng dị-đồng lại có một nước đi khác hẳn ở người đàn ông và ở người đàn bà : thảo nào người đàn ông và người đàn bà chẳng không thôi hiểu lẫn nhau » (3).

« Lan muốn chính nàng hỏi chồng cuộc chia ly. Nay tự Chương nói trước nàng buộc lòng từ chối. Và sự thật đã bày, chán chường. Lan cảm thấy lòng tự ái bị xúc động. Chương lừa nàng. Tự-nhiên trong trí Lan nảy ra những ý nghĩ ghen tuông. Tuy vậy, chẳng phải chỉ vì ghen mà Lan không bằng lòng bỏ nhau. Phần nhiều vì lòng tự ái. Nàng là vợ chánh-thức, hơn nữa nàng là mẹ của đứa nhỏ, bỗng không Chương bảo phải nhường chỗ cho kẻ khác, có lẽ nào ? Nếu nàng tha-thứ được, nàng sẽ tha-thứ kẻ đã chiếm đoạt lòng nàng. Chớ bảo rằng phải xa nàng để sống cùng kẻ ấy, chẳng bao giờ ! » (trang 67). Ý định báo thù nổi dậy trong lòng Lan ! Quyết rằng Chương cũng phải khổ như nàng ! Chớ lý đầu trong lúc nàng đau khổ, Chương lại được tự toại hưởng hạnh-phúc bên cạnh một người đàn bà khác (Oanh). Không, không. Trăm lần không ! Nàng tìm đủ cách không cho Chương được thế.

Ghê-gớm thay sự báo thù kín đáo của người đàn bà ! « Trong

sự bảo thủ cũng như trong ái tình, người đàn-bà dã-man hơn người đàn ông » (4).

Cuộc đời nào phải là những ánh đèn sắp-đặt có thống-hệ. Mà cuộc đời chính là một vầng hào-quang chói-lọi, nó bao trùm ta mãi tự khi ta mới ra chào đời.

Sứ-mạng nhà văn là phải nhận-thức cái thần trí biến đổi, vô cùng và xa-lạ ấy; phải đề ý đến những điều lăm-lạc, những sự phiền-phức mà mình có thể

trình-bày, với chút ít phá lẫn sự vật bên ngoài vào.

Một thần-trí nhân-loại chỉ là cái trào-lưu liên-tiếp của bao nhiêu hình-bóng và kỷ-niệm. Nếu nhà văn muốn được tiếng tả thật, ông ta phải trung-thành với các hình-bóng, kỷ-niệm lướt qua mau lẹ ấy.

Muốn trở nên một nhà tiểu-thuyết hữu danh, phải khả dĩ cảm-thông được tâm-hồn của kẻ khác. Nhưng bởi khó mà thoát ra khỏi tâm-hồn mình được, phải có một tin-tưởng chắc-chắn, phải tin rằng tình-cảm và khát vọng của nhân-loại phần đông đều như nhau; và phải cố hiểu kẻ khác qua tâm hồn mình.

Bà Tú Hoa, trong *Bóng mờ*, đã cố hiểu kẻ khác qua tâm hồn mình. Các nhân-vật đàn bà của bà rất linh-động. Tả tâm lý đàn bà, bà tỏ ra có nhiều chỗ rất khám-phá. Bức thơ Oanh (tinh-nhân của Chương) viết cho bạn, lời lẽ quả của một người đàn bà trăm phần trăm. Chúng tôi ít gặp ở các ngọn bút đàn ông những bức thơ viết giùm cho các nhân-vật đàn-bà, những tánh-cách đàn bà như trong bức thơ của Oanh ở *Bóng mờ*.

Còn văn-tài tác-giả *Bóng mờ*, chúng tôi có cảm-giác như nó là hình ảnh của cô dâu mới về nhà chồng: rụt-rè, dè-dặt nhưng không khỏi vụng-về!

Nhiều bạn làng văn ở Nam-kỳ bảo rằng, trước *Bóng mờ*, bà Tú Hoa, dưới một bút danh khác, đã có viết nhiều tiểu-thuyết rồi. Bảo thế là ngụ ý rằng ngọn bút Tú Hoa cũng đã quen với nghề văn lâu rồi. Nhưng các tiểu-thuyết của bà đã xuất bản từ trước đũa viết theo một lối văn xưa: nghĩ sao viết vậy, không đếm-xỉa đến cú-pháp là gì cả! Ngay nay khác! Bà hành văn theo lối mới: đúng cú pháp và cốt được giản-dị, rõ-ràng.

Bước đầu của sự thay đổi lối

Thông chế Pétain đã nói :

« Các gia-tộc có nghĩa-vụ giữ-gìn hết đời này sang đời khác những đức-tính cổ-cựu đã làm cho dân-tộc hùng-cường ».

văn hay là sự phối-thai của một tài nghệ bao giờ cũng là giai-đoạn của ngưng-ngập, ngưng-ngang!...

Điều ấy ta đã nhận thấy ở Tam-Lang, khi ông đi từ *Giọt lệ sông Hương* một điểm-tĩnh tiểu-thuyết sang *Tôi kéo xe* một tập phóng-sự dựng lối văn tả thiệt.

Điều ấy, chúng tôi lại còn nhận thấy ở một nhà văn Nam-kỳ. Phan Huân-Hương, khi ông đi từ *Hòn máu bỏ rơi* giải thưởng Đuốc nhà Nam 1925 sang *Tan-táo* giải thưởng Tự-lực văn đoàn, 1939. Quyền sau này tuy chưa xuất bản, nhưng chúng tôi được đọc qua bản thảo của tác-giả, nên mới nhận thức được giai-đoạn phối-thai tài nghệ ấy.

Ước-mong rằng giai-đoạn phối-thai tài-nghệ của bà Tú-Hoa rồi đi qua, để đưa ngòi bút bà đến thời-kỳ điêu-luyện... Và ước-mong rằng ngòi bút bà rồi trở nên phóng-khoáng được, để cung cho tác-phẩm bà một sức mạnh, mà quyền *Bóng mờ* mỏng-mẻo không có!

KIỀU THANH-QUẾ

1. Lessing : — La femme est le chef d'œuvre de l'univers.

2. Lamartine : — Il y a une femme à l'origine de toutes les grandes choses.

3. Nietzsche : — « Les mêmes passions sont d'une allure différente chez l'homme et chez la femme ; c'est pourquoi l'homme et la femme ne cessent de se mal comprendre ».

4. Nietzsche : — « Dans la vengeance comme dans l'amour, la femme est plus barbare que l'homme ».

Chơi thuyền

Sóng giãi trăng mờ;
Một giãi tương-tư.
Đưa - đẩy nhip chèo,
Sóng nhảy, hồn theo.
Sóng đẩy đưa chèo,
Hồn nhảy nhip theo.
Một giãi sông mờ,
Trăng giãi tương-tư.

MINH-TUYỀN

Cơn gió

Màn đen chẳng lẹ tự chân trời.
Gió thổi, mây ùn ngập khắp nơi.
Hùng-hổ sấm gầm tuôn giận dữ;
Hào-quang chớp loáng: rần vàng chơi!

Say gió hàng cây run ngã nghiêng,
Lia cánh, theo gió, lá tìm duyên.
Bụi cao ngất-ngheo khom-khom cúi,
Đào-dạt mưa tuôn: gió lặng yên.

Nước trút từng cao nổi nổi rơi,
Sên đường lóng-lánh suốt song đôi.
Bâng khuâng nước chảy tràn lênh-lánh;
Lũng cò tươi-tươi đắm lệ trời.

CỎ CÀM-LAI

Tài-liệu để định-chính những bài văn cổ ... Số 86 Ưng-hồ NGUYỄN VĂN-TỐ

CXXIII

Hồng-nhan tự-thán (1)

... Ngõ văn-phòng, biết loan-phòng,
Đã lòng ăn-đi, lại lòng thương-tin.
Bén vì duyên, nỡ vì duyên,
Anh-hàng gặp khách, thuyền-quên bạn cùng.
Chữ tương-phùng, hợp tương-phùng,
Yên trong phối-thất, thuận trong tình-tình.

Một tin mừng cho các bạn yêu tân-kịch

Ở xứ ta, ai là người không biết tiếng ông Claude Bourrin và hăm-mộ tài-nghệ của một người lão - luyện về kịch - trường.

Ông Bourrin tuy già, nhưng sức chẳng già. Riêng 2 năm, 1937 và 1938, ông đã từng cho diễn 120 tối về tân-kịch ở Nam - kỳ, Cao - miên, được nhân-sĩ miến Nam tán thưởng và mến chuộng nhiệt-liệt.

Thì đây, mùa đông này, Bắc-kỳ kịch-đoàn n lại sẽ ra mắt khán-giả Hà-thành. Các tài-tử lành-nghệ, dưới sự chỉ-đạo của ông Bourrin, sẽ diễn những vở kịch có thể gọi là tinh-hoa của văn-chương Pháp. Các giới trí-thức sẽ được món tiêu-khiển tao-nhã, mà trong đó, là phần đông thanh-niên, sinh-viên, vừa được xem, vừa được bồi bổ môn văn - chương học trong trường vậy.

Công cuộc văn hóa của ông Bourrin đã được quan thủ-hiến Đông-dương chú ý đặc-biệt. Ngài đã giúp đỡ và khuyến nện diễn thêm những vở dịch các bản kịch Pháp ra quốc văn.

Nay mai, khán giả sẽ được biết rõ về chương trình mùa kịch. Chỉ xin nói sơ, tối đầu diễn Molière, ông Thánh hài-kịch nước Pháp.

Còn về các bản dịch, nhờ tài hoa của giáo-sư Trần Văn-Nguyên, khán giả sẽ được hài lòng với vở «Cái ghen của anh Tèm-tem» La jalousie du Barbouillé «Người hà tiện» L'avare vân vân.

Tóm lại, dù về kịch diễn bằng tiếng Pháp hay tiếng Nam, khán giả sẽ được một hồi nhõn phước.

Ước ba sinh, vẹn ba sinh,
Nào hay là sự thế-tình dãi-bối.
Vì Hà-khôi, cấm Hà-khôi,
Thời chi đến nổi đứng ngồi lữ duyên !
Người Quảng-xuyến, nhờ Quảng-xuyến,
Đêm đêm hằng tưởng, ngày liền ước-ao.
Ấy có sao, bỗng có sao ?
Quen bề biển-cải, biết nào ái-ân !
Tin nhân vân, phải nhân vân,
Đã vì đen bạc, lại phần đổi thay.
Hót chiều hôm đến chiều mai,
Nhờ thừa than hỏi, tình hướm thốt chào.
Xưa nghĩa nào, nay nghĩa nào ?
Xưa sao gần bó, nay sao trẽ-tràng ?
Ai bày đường, khéo dọc đường,
Khiến chàng tình phụ, giục chàng sinh thừa.
Kết tóc tơ, dứt tóc tơ,
Nguyễn xưa chẳng vẹn, nghĩa xưa cứ gì.
Yêu mà chi, ghét mà chi,
Yêu thì cũng đổi, ghét thì cũng ơn.
Nguyễn nước non, phó nước non,
Thối thời khéo nhĩ chàng Tôn bạc tình !
Gẫm một mình, tưởng một mình,
Mong liễn dứt nghĩa, lại kinh chín lần.
Từ lúc xuân, vẹn lúc xuân,
Thiếp dần đen bạc, chàng gần được nào !
Giời còn cao, tuổi còn cao,
Khi nào dung dãi, khi nào ước cầu.
Biết biết dẫu, kẻ biết dẫu,
Nghĩa nhua mà bề, ơn nhau nhường này.
Nốt chua cay, cái chua cay,
Hềm thay quân-tử chẳng hay xét lòng.
Nghĩa vợ chồng, đạo vợ chồng,
Chẳng lòng tin-cậy, lại lòng chê-bai.
Sự bởi ai, trách bởi ai ?
Chàng toan lánh hé, rắp chui về nhà.
Chuyện canh ba, đêm khắc ba,
Đã vào trường gấm, lại ra vườn đào.
Ước cung mây, tưởng cung sao,
Khi nào thề nặng, khi nào thoảng quên.
Xót vì duyên, tủi vì duyên,
Mặc chàng khinh bạc, thiếp chuyển đạo thường,
Vị toan đường, sợ hoang đường,
Con thơ ai ẵm, huyên-đường ai nuôi ?
Kể khúc nhồi, thét khúc nhồi,
Mặc dẫu đất thối, giới soi biết lòng.
Được khăn hồng, quệt má hồng,
Thương con thơ dại, trách chồng giò-giảng.
Chàng nghe nàng bạch nói năng,
Chạnh lòng sẽ cảm, lòng hằng sẽ thương.
Quần lo lường, phát lo lường,
Kém nhân chẳng ử, đạo thường chẳng quên.
Đứng Lê-viên, tưởng Bạch-viên,
Xem tiếp trang 20

Những ông nghề triều Lê

Số 32

Ông-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Những ông đồ đệ-tam-giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân khoa binh-tuất, năm Quang-thuận thứ bảy, 1466, từ số năm trở xuống, là những ông sau này :

5. — Đỗ-Nhuận, người xã Kim-hoa, huyện Kim-hoa, phủ Bắc-hà. Đỗ năm hai-mươi-mốt tuổi. Mùa thu năm mậu - tý 1468, vua Lê Thánh-Tôn, 1460 - 1497, đi Lam-kinh, ông Đỗ-Nhuận cùng với ông Quách Đình-Bảo, v. v., đi theo, họa tập thơ *Anh-hoa hiếu-trị*. Năm Hồng-đức tân - mao 1471, thăng Đông-các hiệu-thư. Mùa đông năm quý-mao 1483, cùng với ông Thân Nhân-Trung, v. v., soạn bộ *Thiên Nam dư-hạ tập*. Rồi thăng Đông-các học-sĩ. Mùa thu năm giáp-thìn 1484, cũng cùng với ông Thân Nhân-Trung, v. v., soạn văn bia đề tên tiến-sĩ. Năm ất-mao 1495, vua Lê Thánh-Tôn tự gọi là Tao-đàn đồ-nguyên-sứ, tức là nguyên-sứ đàn thơ, lấy ông Đỗ Nhuận và

ông Thân Nhân-Trung làm phó-nguyên-sứ : phẩm những thơ của vua và từ-thần thù-phụng đều thuộc hai ông phê-bình. Bộ *Toàn Việt thi lục* của ông Lê Quý-Đôn (sách viết của Trường Báo-cổ, số A 1262 quyển 11 từ 13a-16a) còn sao được 12 bài cận-thể của ông Đỗ - Nhuận, toàn là những bài « phụng-họa ngự-chế », đề là *Tư gia tướng-sĩ*, *Tướng-sĩ nhớ nhà*, *Anh-tài tử*, vịnh người anh tài, *Du Lục-vân động*, chơi động Lục-vân. *Bách cốc phong đăng*, trăm giống thóc được mùa, *Quần đạo*, đạo làm vua, *Thần-tiết*, tiết làm tôi, *Pháp-cung ngẫu thành*, qua trường - hình, *Dao tướng anh-hiền*, tướng tượng người anh-hiền, *Kỳ-khi điếm lạ*, *Thư-thảo hi thành*, tức cảnh nơi đọc sách, *Văn-nhân*, *Mai-hoa* Năm quý-sửu, ông Đỗ-Nhuận thăng Hàn-lâm-viện thị-độc, kiêm Đông-các đại-học-sĩ, Lễ-bộ thượng-thư : lúc ấy bốn-mươi-tám tuổi. Mùa đông năm ất-mao 1495, vâng mệnh họa bộ *Quỳnh-nguyên cửu ca*. Về bộ này, *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục*, quyển 24, từ 17 b chép rằng « Vua Lê Thánh-Tôn, nhân đời thái-bình năm được mùa, ngoài thì giờ nhất nhật vạn cơ, làm ra tập thơ, chia từng mục : một là *phong-niên*, năm được mùa, hai là *quần-đạo*, đạo làm vua, ba là *thần-tiết*, tiết làm tôi, bốn là *minh-lương*, vua sáng tôi hiền, năm là *anh-hiền*, sáu là *kỳ-khi*, điếm lạ, bảy là *thư-thảo*, cỏ thư thảo, tức là sảnh chỗ đọc sách, tám là *văn-nhân*, chín là *mai-hoa*. Hợp theo văn đề ca vịnh, gọi là *Quỳnh-nguyên cửu ca*. Vua Lê Thánh-Tôn tự chế bài tựa, tự xưng là

Tao-đàn nguyên-sứ, cho Đông-các đại học sĩ Thân Nhân-Trung, Đỗ Nhuận làm phó nguyên sứ... Hai mươi tám người nối theo họa vắn, gọi là Tao đàn nhị thập bát tú, 28 sao trong đàn thơ ». Về tập *Anh-hoa hiếu-trị* nói trên kia, bộ *Khâm-định Việt-sử*, quyển 21, từ 12 a, chép rằng : « mùa thu tháng tám năm Quang-thuận thứ chín, tức là năm 1468, vua Lê Thánh-tôn ngự Lam-kinh, cùng hoàng-thái tử và Kỳ-quân công Lê-Niệm, tụng thần Lê Hoàng-Dục, Đỗ Nhuận, Quách đình Bảo, vua tôi « canh ca », nối vắn làm tập thơ *Anh-hoa hiếu-trị* » tiểu-sử chép theo quyển *Thiên-Nam lịch triều liệt truyện đăng khoa bị khảo* của Phan-hòa-Phủ và Phan-huy-Sang, sách viết của Trường Báo-cổ, số A 485 quyển *Kinh-bắc*, từ 68a ; *Toàn-Việt thi-lục*, sách viết của Báo - cổ, số A 1262, quyển 11, từ 13a).

6 — Nguyễn-văn-Thông, người xã Xuân-hi, huyện Kim-hoa, phủ Bắc-hà. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa binh tuất năm 1466. Làm quan đến thượng-thư, kiêm Đông-các đại-học-sĩ (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Kinh-bắc*, từ 68b).

7. — Nguyễn-Chương, người xã Thiên-đồng, huyện Tiên-lữ, phủ Khoái-châu. Ba-mươi-mốt tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa binh tuất năm 1466. Làm quan đến Thiêm đồ ngự sử. Là con Nguyễn duy Tảo : phụ tử đăng khoa (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Sơn nam*, từ 68b, và *Đăng khoa lục*, quyển 1, từ 14b),

Còn nữa

Ông-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Nhà in Tri-Tân

70, Bạch-mai Hanoi zone
nhận in đủ các việc

NHỮNG SÁCH NÊN XEM

<i>Truyện đức Khổng tử</i>	1.00
<i>Mấy thầy tu huyền bí</i>	1.10
<i>Na-Tiên Ti-kheo kinh</i>	
<i>Cuộc vấn đáp về đạo-lý</i>	0.80
<i>Pháp-giáo nhà Phật</i>	1.10
<i>Tăng-dồ nhà Phật trọn bộ</i>	
2 quyển, có nhiều tích hay	2.50
<i>Chuyện Phật đời xưa</i>	1.00
<i>Du lịch xứ Phật</i>	0.90

Ở xa, gửi mandat phụ thêm 10% làm cước phí. — Cũng gửi lĩnh hóa giao ngân. Các hàng sách mua buôn có hoa hồng 25% và khỏi cước

Thơ đề:

M. ĐOÀN - TRUNG - CÒN
143 - Rue de Louvain, Saigon

MỘT GIỜ VỚI NHÀ VĂN SONG-AN

HOÀNG NGỌC-PHÁCH

LÊ-THANH

CÓ lẽ là một sự khó tính mà chúng tôi cần xin lỗi với những văn-nhân và thi-nhân mà chúng tôi đã được nghe chuyên là chúng tôi ước-ao được nói chuyên ngay trong buổi làm việc trước một bản giấy đầy những tập bản-thảo, những mẫu tài-liệu, sách vở..... ở đây tính tò mò của chúng tôi có khi được thỏa-mãn, chúng tôi có thể biết qua được một vài thói quen của nhà văn, một vài công việc đang làm và sắp làm của nhà văn... Thứ nhất chúng tôi được ở trong cái « bầu không-khí » của nhà văn.

Sự khó tính ấy đã làm cho tôi, khi sang thăm Song-An tiên-sinh, suốt từ đầu câu chuyện cho đến lúc ra về, thấy nghượng-ngạ... Vì tiên-sinh tiếp chúng tôi ở buồng khách, một căn phòng rộng rãi, trang-hoàng rất lịch sự theo kiểu Á-đông.

Nhìn xung-quanh hình như thấy thiếu một cái gì... Chúng tôi tìm một cảnh « trời biển mênh-mông » có thể nhắc chúng tôi tới cảnh « mênh-mông sóng rộng tràn trời » và cuộc ngao du lãng-mạn của cặp tình-nhân bất-tử ở bãi biển Đồ-sơn hơn hai mươi năm về trước. May chúng tôi còn thấy một bức tranh thủy-mạc, bằng một vài nét, họa một cảnh đêm trăng, nhắc thăm trong trí nhớ chúng tôi câu « đêm thu trăng tỏ ».

Chúng tôi quên rằng tiên-sinh không phải chỉ là một nhà văn, tiên-sinh là một vị giáo-sư mấy năm trước đây kiêm giám đốc các trường Cao-đẳng tiểu-học và tiểu-học ở tỉnh-lỵ Bắc-ninh, và có lẽ vì chức nghiệp tiên-sinh phải tổ chức sự sống hợp với địa-vị xã hội của tiên sinh hơn là hợp với cái tự-do của tâm-hồn lãng mạn của tiên-sinh.

— Tôi sinh ngày mùng mười tháng ba năm 1898, tức là ngày 18 tháng hai năm Mậu-tuất ở làng Đông-thái, phủ Đắc-thọ tỉnh Hà-tĩnh. Từ nhỏ theo học, nhà tôi vẫn giữ được cái cựu-truyền về khoa cử và văn học. Về lòng tôi học chữ nho với

các ông tú, ông cử trong làng là chỗ chú bác anh em thân thuộc.

Năm 13 tuổi, thấy sự học chữ - tây đã thịnh mà trong chúng tôi thì chữ nho còn trọng-dụng lắm, tôi ra Bắc bắt đầu học chữ Pháp ở một trường tư ở ấp Thái-bà. Trường của cụ Bùi-Đình-Tá, một trường tư rất lớn, có một đặc-sắc là học trò hầu hết, nếu không phải là ông ấm thì cũng là con một nhà giàu về thời bấy giờ. Mới vào, tôi chỉ là một cậu bé nhà quê còn để chỏm bên những ông học trò có búi tóc, có râu ria. Phần nhiều là lưu học sinh, sáng đến có ông còn được người nhà đem vào trường cho cái điếu và ấm nước trà tầu để các ông « điềm tằm ». Tối đến, có ông mở cửa đi tiêu-khiển ở phố ấp.

Nói thế, ông chó tướng trong trường quy-cử không được trọng, sự học không được tấn tới. Cụ đốc Tá và mấy cụ giáo khác, thuộc phái tân học mà có vẻ uo phong rất đao-mạo và tận tâm nên học trò kính sợ lắm.

Riêng về sự học của tôi, thấy rất tấn tới, sau hai năm tôi đã vượt mấy lớp. Kể cả lớp nhì—hồi bấy giờ không có học bạ, không có hạn một năm mới lên lớp.

Sau tôi ra học lớp nhất trường Hàng Vôi tức là trường Nguyễn Du bây giờ, cùng một lớp với Tú mỗ Hồ trọng Hiếu.

— Trong khi nói truyện với ông Tú-Mỗ, chúng tôi có được nghe nhà thơ trào-phúng này nói đến tiên-sinh nhiều lần, thứ nhất là về thời-kỳ học trường Bưởi. Chắc quãng đời ấy có nhiều cái lý-thú?

— Phải tôi học với ông Hiếu từ năm ấy cho đến hết bốn năm trường Bưởi... Ngay ở trường hàng Vôi, ông Hiếu là một học trò nhỏ nhất lớp, rất thông-minh, có cái tính tình nghịch, tự-chủ... trên hết hạn đến thầy. Sau này ông trở nên một nhà thơ trào-phúng cũng không lấy làm lạ...

Sau khi đỗ bằng Sơ học, tôi vào trường Bưởi, Vẫn được là học trò khá quốc văn

Ngay từ năm đầu chúng tôi đã chuyên luyện tập Pháp văn và quốc văn chăm lắm.

Về Pháp-văn, chúng tôi học cụ Dufresne—chúng tôi vẫn gọi cụ là « Phén »—cụ là một giáo-sư có đặc-tính của một nhà thông-thái, một triết-nhân. Cụ có những phương-pháp dạy văn-chương riêng của cụ. Một bài ám-lả với ba câu mà cụ giảng hết ngày ấy đến ngày khác! ai chưa học có thể hiểu rất rõ về văn-phạm. Cụ biết chữ nho, giỏi tiếng Nam, rất thông thạo về phong-tục, lịch-sử, địa-dư của ta. Tôi thường được cụ dắt về các vùng nhà quê; có kỳ nghỉ hè đi luôn ba bốn tuần lễ.

Gặp một nơi chùa cổ, một cảnh nhà quê cụ thích, cụ đứng hàng giờ ngoài nắng, cụ vẽ... Về thấy chưa đủ tả hết cái tinh thần của nó, cụ ghi chép... Đến bữa, đói, cụ cũng ăn cơm an-nam, hoặc vào chùa kiếm phẩm oản quả chuối ăn thế là đủ.

Nhà cụ là mấy túp lều tranh ở bờ hồ Tây. Cụ tưởng ở gần-dị thế cho hợp với tư-tưởng của cụ, không ngờ có hai cho cụ không biết bao nhiêu: nhà cụ cháy, tất cả tài-liệu của cụ sưu-tập được cháy hết! Cụ chán-nản buồn-rầu.

Tôi học chữ Pháp cụ. Chữ tôi học được có lẽ không đáng kể bằng cái phương-pháp làm việc của cụ mà tôi lĩnh-hội được.

Về Việt-văn, chúng tôi có các giáo-sư như cụ Huấn Đan, cụ Bằng Mộng, cụ Tú Tiếp... Các cụ tuy dạy chữ nho nhưng thường khuyến-khích chúng tôi về quốc-văn nhiều lắm. Trong những giờ học, không những các cụ dạy về văn quốc-ngữ mà còn giảng về văn-hóa cho chúng tôi nghe. Thứ nhất là cụ Huấn Đan—cụ đã qua Trung-hoa, Nhật-bản—cụ là một học rộng, biết nhiều, lại có tâm huyết đối với tiền đồ quốc-học. Thường cụ cho chúng tôi đến nhà cụ, một cái gác con ở đường Yên-phụ, hầu

chuyện cụ. Những câu chuyện thân-mật ấy đã bổ ích cho chúng tôi hơn là những bài học ở trường. Cụ đã làm cho chúng tôi biết yêu cái văn-hóa cũ của nước nhà...

Trong số bạn học chúng tôi có mấy anh em mà anh Nguyễn Pho là một, rất thích quốc-văn, chúng tôi cùng nhau luyện-tập, có khi quên cả các bài khác ở trường. Bao nhiêu văn thơ nôm, cổ, những truyện *Kiến, Phan-trần*, chúng tôi thuộc gần hết. Chúng tôi lại học thêm chữ nho đọc thêm sách nho nhiều. Gặp kỳ thi Hương cuối-cùng ở trường Nam, các thầy và bạn bảo tôi lên chiếu một phen, nhưng tôi không dám thử.

— Riêng về tôi thường làm bài luận nào cũng được các cụ giáo khen, được đem đọc cho cả lớp nghe. Không những thế, có bài của tôi truyền từ lớp nọ đến lớp kia, có khi hàng tháng mới thấy nó giở lại với mình, lúc bấy giờ thì giấy đã nhàu, mực đã nhạt. Nhiều bài sửa qua loa rồi các bạn đem đăng báo dưới tên ký « Song-An ». Đại khái như bài « *Cảm tình đối với phong-cảnh Hồ Tây* » là một bài luận làm ở trường, mà hiện nay tôi còn giữ được.

Tôi nhớ một lần rạp hát San-nhiên-đài thi thơ. Một cuộc thi cổ-động rầm-rộ hội đò các bạn khuyến-khích tôi gửi bài dự thi. Ít lâu sau, tôi nhận được giấy mời ra lấy thưởng và nghe bình văn, xem diễn kịch.

Lúc tôi xin phép ông đốc đề ra đêm. Ông ngăn tôi một lúc rồi hỏi : « Chính anh ? » Chắc ông cho là trẻ con thì biết gì thơ với phú. Tôi đưa giấy ông xem, thì ông cho phép ra, và thêm một câu khuyến-khích.

Lúc tôi vào cửa rạp hát, các người coi việc cũng có ý ngạc-nhiên, tưởng như tôi đi lĩnh thưởng hộ người nhà.

Lúc vào một khán-đài trần-thiết rất lịch-sự riêng cho các thí-sĩ trún cách, tôi nhận thấy có ông râu dài, có cụ tóc bạc. Mà hình như các cụ không để ý đến tôi, Chắc các cụ cũng nghĩ như các ông coi việc lúc này. Tôi rất ngượng-ngượng và có vẻ tự-hào ngẩng-thơ : được ngồi cùng các cụ.

Sau cuộc bình văn và trước khi nghe hát, có người đưa lên cho tôi hai cái

bút, một tập hoa-tiến và hình như ché với pháo nũ Phần thưởng đơn-sơ của « câu thi-sĩ » bé-nhỏ !

Lúc về trường, các bạn xúm lại, mỗi người lấy một tờ giấy hoa và bắt mở ché ra « khao » với bánh đậu « Tư-lý » hàng Bạc.

Tôi nhắc lại là đề ông biết rằng những cuộc đắc-thắng cón-con ấy làm cho các bạn thêm nức lòng về Quốc-văn và quý-yêu tôi như một đại hiền làng văn của Trường Bưởi hồi đó.

Vì có cái khiếu về văn chương, và một phần vì lúc nào tôi cũng giữ được đáng-điều điềm-lĩnh, nên anh em trong trường tin yêu, không có mấy việc quan-hệ mà không hỏi đến tôi : những công việc xã-hội trong cái xã-hội nhỏ là trường Bưởi, phần nhiều có tôi dự.

Năm tôi học năm thứ tư thì có một anh trong trường nghèo quá, phải làm thuê cho nhà người ta lấy cơm ăn : đi học về anh phải làm-lụng vất-vả. Việc đến tai bà đốc Donnadieu. Bà cho anh vào làm lưu học-sinh nhưng không bắt trả tiền, vì sự đối đãi đặc biệt ấy mà trong trường có người khinh anh, thờnhất là một ông giám-thị. Có lần ông này làm nhục anh ta. Các bạn xúm lại phản-đối. Rồi từ tháng ấy anh em mỗi người một bao, người dăm xu gộp lại đủ tiền cơm tháng cho anh ta.

Nhân việc ấy, chúng tôi nảy ra ý lập ra một hội gọi là « *Tân cựu học sinh ái-hữu* » mục đích giúp-đỡ anh em. Tôi được bầu làm hội-trưởng trong ban trị-sự tạm thời, lập một gian đài trong vườn trường lên diễn thuyết cổ-động cho hội. Bài diễn-thuyết được hoan nghênh. Ngay sau cuộc diễn thuyết, se học - anh xin nhập hội có đèn ngọt nghin người.

— ...
— Hội làm được nhiều việc hay. Tôi còn nhớ một anh học rất giỏi nhưng nhà nghèo quá. Anh được phần thưởng, mấy ngày sau được ra nhà hát tây lĩnh, nhưng quần áo rách tơi. Hội may một cái áo trắng dài, và khi vắng anh, anh em để áo ấy vào trong tủ ban với mấy chữ : « hội biếu anh để mai anh mặc ra lĩnh thưởng ». Sau hội bị giải tán vì chúng tôi « chưa đến tuổi » đi đến « khiến một hội như thế.

— Nghĩa là tiền - sinh bắt đầu làm việc xã-hội và làm văn từ khi còn là một học-sinh trên trường Bưởi !

— Vâng, hồi đó chúng tôi rất hăng hái, sốt-sắng về công việc xã-hội, nhất là đối với những bạn nghèo, những người thất học, hoặc những người phải chịu mọi nỗi bất công. Chúng tôi có những cái nguơng-vọng viễn-vông, ngây thơ mà cảm động của tuổi thanh-niên. Có lẽ chúng tôi được cái ảnh-hưởng xinh đẹp của trường Bưởi bên cạnh hồ Tây, nên việc làm của chúng tôi được nhiều người để ý ? Lại thêm mấy bài văn đăng báo, mấy cuộc thi thơ v.v. : nên nhiều người biết đến. Những anh « tai mắt », mỗi anh có một tên hiệu. Anh em cứ thường gọi tôi là Song-An, ít khi gọi đến tên chính.

Hồi này là buổi thiếu thời để lại cho tôi rất nhiều tình cảm, rất nhiều di-tích âm-đem đối với thầy, với bạn. Có lẽ nó hơn hết cả những lúc khác ra đời, nên khi xa trường có dịp nhớ đến cảnh cũ người xưa, là tôi nhắc lại.

Nơi đến đây, tiên-sinh đọc lại một câu tả trong quyển tiểu-thuyết *20-24m* :

« Tôi nhớ khi còn học trường Bưởi bên cạnh hồ này, chiều chiều tan học, mấy anh em ra đứng bờ hồ, ném thìa lĩa, thả thuyền giấy, cười đùa hồn-hở phong cảnh xem như hồn cợt với mình mà hôm nay, vẫn mặt nước kia, vẫn đê giới ấy, núi Tam-đảo vẫn lơ-mơ đường xa, chiếc thuyền vãn vãn từ từ qua lại... »

Sau khi ở trường Bưởi ra, tôi vào học ban Văn-chương trường Cao-đẳng Sư-phạm. Ở trường này, công việc văn chương — thứ nhất là Việt văn — có phương-hướng hẳn. Chúng tôi ít làm thơ, chuyên viết văn xuôi, hằng hai nghìn chữ tìm một lối để dung hòa hai văn-hóa Đông, Tây ; nói hẹp lại, là hai văn-hóa Pháp-Việt, trong phạm-vi văn-chương, luân-lý, giáo-dục... Khi làm việc, chúng tôi luôn luôn được trực-tiếp với các bậc đàn anh : cụ Vĩnh, cụ Quỳnh, cụ Tổ v.v. Ở trường Bắc-cổ, chúng tôi đề bạn Nguyễn-Pho ; ở Nam-phong, bạn Hoàng Lữ-Chu. Tuy bạn nhiều công việc trong trường, chúng tôi vẫn giúp mấy tờ báo. Hồi đó tôi viết nhiều trong các báo chí, nhất là Nam-phong, đã có nhiều cuộc bút chiến về tư-tưởng Đông, Tây. Cái đề-mục « *Văn chương với nữ giới* » kéo dài ra đến mấy tháng.

Còn nữa
LÊ THÂN H

TRƯỚC khi từ - biệt sở Kho-bạc, tôi có mua hai vé số, tỉnh - cờ mỗi vé lại trúng 10p000 : Thêm 20p00 vào khoản lệ-phí. Thực là thành Tuyên đãi khách qua đường !...

Cơm trưa xong, nghỉ - ngơi một lúc, chúng tôi được cái vinh - hạnh tiếp-kiến các bạn Tuyên - thành. Nhiều ông quá yếu, tới thăm. Có ông lại cho đem cả máy hát đến cho nghe nhiều bài du-dương để mua vui cho qua cơn nóng nực.

Đến 3 giờ chiều, nắng đã dịu. Chúng tôi mới bắt đầu đi thăm các nơi trong tỉnh. Dạo qua các phố, thăm các đền - đài miếu-vũ, lướt xem các công sở dinh thự, di tích hành xưa, 2 chợ Tam cờ, chúng tôi xuống đò sang sông thăm trường Canh-nông.

Sau mấy ngày mưa rừng, nước lũ chảy về, mặt nước sông lên cao, dòng nước sông chảy xiết, nên qua sông rất nguy - hiểm và vất - vả. Thuyền phải chở ngược men sông lên tới một quãng thực xa mới đầy sang ngang. Sang tới bên kia, thuyền vừa xuôi tới bến. Theo dọc sông, có nhiều nhà bè sinh-nhai về nghề chài lưới. Nước lũ chảy về có đem theo nhiều gỗ mục, nhiều thân cây. Dân vạn được dịp tranh nhau vớt gỗ, cửa ngay trên nhà bè, làm củi đưa sang tỉnh bán lấy tiền. Lái đò cho hay : mấy ngày trước, tự nhiên có nhiều ca chết nổi lềnh bềnh trên mặt nước trôi về, ai cũng cho là quém vua Thủy. té bị Sơn-thần giết hại, nên không ai dám vớt, ăn thịt.

Đứng bên này sông, trông sang tỉnh, phong cảnh thực rất hữu tình. Một phố buôn bán chạy dài theo dọc bờ sông, một dãy cây-cối thẳng hàng, dưới thì dòng sông chảy cuộn cuộn buồm xuôi, trên bến, dưới thuyền, sơn thủy thuận tiện, đủ pho vẻ phồn thịnh của một tỉnh miền sơn cước. Nhà phố đều làm trên nền rất cao, vì đôi khi có năm lụt to, nước tràn ngập tỉnh, nếu nhà thấp, không sao tránh nạn thủy tai được. Cách đây mấy năm, lụt to, nước tràn vào một hiệu khách

ngắm cả vào các thùng đựng đất thấp đèn. Đất bị ướt, nở rất dữ, gây thành bao tai nạn : hại người và tài sản Nhà Vĩ thế, ngày nay, ai cũng lo đề phòng nạn thủy tai.

Ngắm cảnh Tuyên - thành xong, chúng tôi đưa mắt tới ngọn núi đá cao trên tả-ngạn sông Chảy. Hỏi ra thì núi này là núi Giùm. Trên ngọn còn di - tích pháo - đài của binh-sĩ bảo - hộ phòng - vệ. Lại có nhiều hang sâu, có nhiều hầm. Tục truyền là dấu - vết công - việc khai mỏ kẽm từ triều Tự - đức (1848-1883). Dưới chân núi Giùm, có đền Thượng thờ vị âm-thần. Hằng năm, đại-lễ vào ngày 12 tháng 2 và tháng 7, khách đường xuôi tới chiêm-bái rất đông. Trong đền có hai pho tượng : một pho bằng gỗ và một pho bằng đồng bạch dựng từ niên - hiệu Cảnh - hưng (1740-1786).

Cách đền không xa, là bến Trường - đã, có đồn, có nhiều nhà tây. Trước kia ở đây, người ta có khai mỏ kẽm, nên rất sầm-uất; nay công - việc khai khoáng tạm đình, nên đồn Trường - đã mất vẻ đông vui. Tuy vậy, Tuyên - quang niệm đây còn một mỏ than đá đương khai gần tỉnh-lỵ.

Sau khi thăm con mắt đã được phóng xa quanh miền, chúng tôi kéo nhau lên thăm trường Canh-nông.

Một con đường đất rất thẳng đưa chúng tôi tới khu-vực nhà trường. Hai bên là đồi, cây cối xanh um, dần dần vào sâu, đường đi lại chia làm nhiều chi-nhánh, lấy tên các vị ân-nhân của nhà trường đặt làm kỷ-niệm, như allée Louis Dupont 1885 - 1927, allée Charles Lemaire 1886-1893, allée Barthélemy Pidance 1874-1936, allée Jean Laforest 1904-1935, allée Auguste Gachon 1877.

Du - ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA-BỂ

Số 2

1923 vân vân. Những đường này chia địa - thế làm nhiều khu, mỗi khu giống riêng một thứ cây như cà-phê, tre, sắn, mía, thầu-dầu, vân vân, do học-trò trường Canh-nông tự chăm - nom vun sỏi, vừa học trong học-đường, vừa học trên mặt ruộng. Chúng tôi được mục-kính các học - sinh đóng vai nông - dân, chú-ý đến công việc bổn-phận một cách vui-vẻ, tận tâm.

Rải - rác trên các đồi núi, có nhiều nhà cho các viên-chức tây-nam lưu-trú.

Theo đường Jean Laforest, vào tới xưởng đồ các diên - khí hoặc chạy bằng động - cơ hoặc dùng



Một cảnh ở Chiêm-Hóa (Tranh vẽ của họa-sĩ Trịnh-Vân)

nhân-lực. Có nhiều đàn-bà, con gái ngồi nhặt hạt cà-phê đem ủ Cà-phê và tre sắn-xuất tại khu-vực trường Canh-nông đều bán lấy tiền sung công để chi vào các phí khoản nhà trường. Trong xưởng có nhiều bò, ngựa dùng vào việc cày bừa và vận - tải.

Ở xưởng ra, chúng tôi gặp ông giám-thị nhà trường. Ông có mời vào nhà riêng gần đây để nghỉ chân. Nhà ông làm trên ngọn đồi cao ráo, không - khoáng, có máy nước vào tới trong nhà, có quạt điện, đèn điện. Ông có cho biết thường-nhật hồ báo vẫn thường về thăm nhà ông.

Có hôm, sáng còn thấy vết chân và lông hổ trước thềm nhà. Nhân đó, tôi lại nhớ một chuyện của một ông bạn kể lúc trưa : trong đồn-diên của ông, có nuôi nhiều trâu, ngày vẫn thả trâu vào rừng ăn cỏ. Một hôm, một con hổ nhảy ra định ăn thịt một con trâu mộng. Con

NHẬT-NHAM

Vị - trí trường Canh - nông có 800 mẫu tây vừa ruộng đất, vừa đồi núi, vừa rừng rậm, không phải đóng thuế. Sở Kiểm - lâm không phải trông nom miền rừng núi này, chỉ trừ khi nhà trường đem củi gỗ ra ngoài địa hạt, mới phải dùng đến giấy thông hành của sở Kiểm - lâm. Sau khi ở nhà ông giám thị ra, chúng tôi lại tham sự tâm tấu là nơi lựa trường tâm, cao áp lấy kẽm, hoặc bán trứng đi các nơi.

Hơn 10 giờ được giải ra nông để trong « buồng ngai » sức nóng chung quanh bên ngoài bao giờ cũng giữ tới 250 độ.

Độ 8, 10, 12 ngày, con nhộng hóa ngai, cần kén bay ra ngoài. Ngai đục, ngai cái giao - cấu nhau trong 8 đến 10 giờ đồng hồ.

Giao - cấu xong, ngai cái được nằm trên một mảnh gỗ, lấy phễu úp lên trên cho dễ trứng.

Sau khi ngai đã đẻ được 24 giờ, người ta dùng kính niếu-vi soi có thể biết được con ngai ấy có bệnh hay không.

Sở Tầm bao giờ cũng để sẵn chầy bằng thủy tinh ngay cạnh con ngai; lấy chầy ấy nện lên con ngai, rồi lấy máu ngai đem ra soi : Nếu máu có những vết đỏ tròn thì trứng ngai tốt. Trong máu có vết đen hình bầu - dục thì con ngai bị bệnh gai. Máu vàng

như nghệ và có những hạt như hạt kê, thì ngai có bệnh nghệ. Bệnh trứng là bệnh đau ruột do ăn lá dâu không tiêu; trong máu có những vết gai như cái kim. Tầm ăn phải thứ nấm rất nhỏ thường mắc phải bệnh *khương*, Bệnh này chỉ phát-xuất lúc thời tiết ẩm thấp. Chiều kính hiền vì xong, những

tướng là hổ thực, cứ lấy đầu húc xuống da hổ, đến nỗi đầu chạm vào tảng đá mạnh quá, vỡ ra mà chết ! Thế là trâu và hổ cùng chung một số - phận...

trông tốt có thể đem bán hoặc phát đi các nơi.

Ở nhà Tầm ra, chúng tôi qua trường học Canh-nông. Trường rộng rãi mát mẻ, trong sân có nhiều cây to, bóng cả. Thực là một nơi tĩnh-mịch đã tạo được biết bao nhân tài trong nông giới.

Trường học dựng gần bờ sông; từ trường xuống đến bến đò không bao xa.

Sang sông, về tới nhà, vừa tối, Tỉnh cờ, được gặp mấy ông bạn trước kia cùng tông sự ở Hưng-yên mới dời lên Tuyên-quang. Các ông biết tin tới thăm Anh em lâu ngày xa cách nay được họp mặt, câu chuyện không thiếu về nông - nân.

Bữa cơm chiều hôm ấy đã họp tất cả một số bạn thân quanh một chiếc bàn, đủ tỏ rằng tại miền sơn cước, tình đối với nhau có thân hơn ở các tỉnh trung-châu. Cũng chỉ vì chút thân-tình như thế, cho nên đối với người xa đến chơi, các bạn cũng tỏ vẻ đậm-đà. Một ông bạn có lòng tốt tặng một con ruợu vang của ông từ được từ lâu. Tôi ở Hà-nội không được ruợu vang vẫn thường khao khát, ngẫu nhiên tới Tuyên-thành được uống ruợu vang, kể cũng là một sự may trong các cái may kuac vậy...

Cơm xong, cùng các bạn đi tản bộ, nhân xem phong-cảnh Tuyên thành trong đêm tối. Tuyên-thành dưới ánh sáng các ngọn đèn điện, không đến nỗi âm - thầm, hưu-quạnh. Lại thêm có binh-sĩ iấy Nam qua lại, nên phố-xá có vẻ tấp nập. Nhà chợp bóng, giặc hát đồng vui; ca lâu, từ - diêm, các hàng tạp-hóa mở cửa tới khuya.

Vì sáng hôm sau, chúng tôi khởi hành đi Chiêm - hóa sớm, nên khi qua hãng ô-tô Chiêm - hóa, chúng tôi ghé vào lấy sẵn hai vé trước để giữ chỗ. Ông chủ ô-tô là người quen thân, nên tính giá « nội », chỉ lấy 3p.00 một vé, trong khi hành khách lại phải trả 3p.50 mà có khi xe đông, phải 4p.00, 5p.00 không chừng.

Sau khi từ biệt các bạn tôi về nhà lấy giấy bút ghi chép các tài liệu về lịch-sử tỉnh Tuyên-Quang, xin lược thuật dưới đây để độc-giá nhân-lâm,

Gón nữa

NHẬT-NHAM

Thời-dân

Trở lại vấn-đề Liên-Mỹ và

CHỦ-NGHĨA MONROE...

(Tiếp theo và hết)

VỀ sau, vua Tây-ban-nha và vua Pháp có hải quân Pháp và các nước trong « hiệp ước Liên-minh thần-thánh » ủng hộ, quyết định đem quân sang đánh Nam-Mỹ để hàng phục các nước phiên-loạn.

Đứng trước tình-thế ấy, các giới Hoa-kỳ tỏ vẻ khó chịu. Nước Anh sợ nước Pháp sẽ trở nên cường-thịnh, sau khi đã được quyền kiểm-soat Tây-ban-nha và Nam-Mỹ, bèn ngỏ ý muốn cho Tân-thế-giới dựng lại thăng-bằng cho nền chính-trị Cựu-thế-giới và quyết-định ngăn-cản không cho nước Pháp kiểm-soat xứ Ấn-độ một khi Pháp có quyền kiểm-soat Tây-ban-nha. Nước Anh thông-cáo cho Đại-sứ Hoa-kỳ bản quyết-nghị ấy. Tổng-thống Adams và Monroe dựa vào ý kiến ấy, rồi lập riêng chủ-nghĩa cho Mỹ châu.

Tuy vậy, trong bản công-điệp 1823, James Monroe không muốn Anh và Mỹ cùng hành-động, mà chỉ muốn đứng riêng độc-lập.

Sau khi công-bố : Hoa-kỳ không có ý dự vào các cuộc tranh-tranh của Âu-châu mà chỉ khi nào quyền-lợi bị uy-hiếp, mới can-thiệp. Tổng-thống Monroe lại công-bố thêm : vì muốn giữ tình hòa-nhiên giữa Hoa-kỳ và các « cường-quốc liên-minh », nên cần phải can-ý đến quyết-nghị của các cường-quốc ấy : các nước ấy bành-trướng thế-lực đến một khu-vực nào ở Tây-ban-câu, cuộc trị-an và nền hòa-bình Hoa-kỳ sẽ bị nguy-ngập.

Bản công-điệp Monroe không chú-ý đến toàn-thể Âu-châu mà đến cuộc hành-động của các « cường-quốc liên-minh ». Các cường-quốc này phải chăng là các nước trong « hiệp-ước liên-minh

thần-thánh » ? là những nước theo đuổi chính-sách khiêu-khích ? Các nước này đã từng tham-dự vào nội chính Tây-ban-nha, khôi phục lại ngôi báu cho vua Ferdinand. Vì vậy Hoa-kỳ sợ các nước ấy bành-trướng thế-lực đến một khu-vực nào ở Bắc-Mỹ và Nam-Mỹ, sẽ làm cho cuộc thái-bình thịnh-trị của mình nguy ngập.

Chủ-nghĩa Monroe không phải là bản tuyên bố chống lại Âu-châu, mà chỉ chú-ý đến chủ-nghĩa khiêu-khích, có hại cho cuộc trị-an Hoa-kỳ. Chủ-nghĩa khiêu-khích ấy mà còn thực-hành ở bên kia bờ Đại-tây-dương, thì còn chưa có ảnh-hưởng gì đến Hoa-kỳ, nhưng một khi chủ-nghĩa ấy đã tràn lên Tân-lục-địa, Hoa-kỳ sẽ bị uy-hiếp. Vì vậy, nhờ tuyên-bố chỉ có mục-đích để cảnh-cáo các cường-quốc trong hiệp-ước Liên-minh thần-thánh, chứ không phải cảnh-cáo toàn-thể Âu-châu.

Muốn cho các nước ấy lánh xa Mỹ-châu, Tổng-thống Monroe công bố : tại Tân-lục-địa không có một nước nào bỏ không.

Những cuộc tranh luận về xứ Alaska là một dịp để phát biểu nhờ tuyên bố : lục-địa Mỹ-châu, nhờ được nền độc-lập và tự do của các dân tộc đã gay được và đương muốn duy-trì, sẽ không thể là một giai-đất đe dọa một cường-quốc Âu-châu đến xâm chiếm làm thuộc địa.

Nhờ tuyên-bố ấy cho ta hiểu tham-ý là các nước tự-do và độc-lập ở Mỹ đã phân-chia châu Mỹ (trừ các thuộc địa của các cường-quốc Âu-châu đã chiếm tư trước) và từ đó về sau, không còn nước nào có thể dùng vũ-lực để chiếm thuộc-địa trên đất Mỹ-châu nữa.

Nhưng đến năm 1840, một phong trào ái-quốc tràn khắp Hoa-kỳ. Cuộc hợp tác với Anh để chiếm xứ Orgon, cuộc chiến tranh với xứ Mê-tây-cơ để chiếm Texas, cuộc nội biến tại Âu-châu, việc dân Đức và Áo bị trục xuất khỏi nước rồi di cư đến Hoa-kỳ, sự tự tin có một lực lượng mạnh hơn xưa, bao nhiêu thứ ấy đã đưa dân quốc Hoa-kỳ đến con đường chiến tranh...

Tổng thống Polk lục bản tuyên bố Monroe hiện nằm trong văn khố từ lâu, rồi thay đổi hẳn ra tính cách khác. Trước tuyên bố để cảnh-cáo các nước khiêu-khích thì nay đổi lại tuyên bố cảnh-cáo tất cả Âu-châu.

Tổng thống Polk tuyên bố như thế không phải không có mục-đích. Ba năm sau, năm 1848, chính phủ Yucatan xin nhường xứ Yucatan cho Anh, Tây-ban-nha hay Hoa-kỳ. Trong nhờ tuyên bố về việc này, Tổng thống không những không nhận để một nước Âu-châu nào kiểm soát và áp chế các nước Mỹ-châu và xâm lấn đất đai để đặt thuộc địa, mà cũng không công nhận để các nước Mỹ-châu tự ý xin đặt dưới quyền đo-hộ một nước Âu-châu nào.

Như vậy là Tổng thống Polk đã phạm vào chủ-quyền các dân tộc Mỹ-châu một cách chuyên chế.

Chủ-nghĩa ấy thường vẫn coi là chủ-nghĩa Monroe, nhưng đúng hơn, phải gọi là chủ-nghĩa Polk.

Một cường-quốc chiếm một khu-vực tại Mỹ-châu sẽ mất tình thần-thiện !

Năm 1858, nước Pháp và nước Anh quyết-định đem quân giúp Chính-phủ Nicaragua bình giặc bề. Hoa-kỳ phản nản sự can-thiệp ấy sẽ làm cho tất cả dân-tộc Mỹ-châu

nổi lòng công-phẫn, vì hai cường-quốc Pháp-Anh đã giúp Nicaragua, tất nhiên có thể kiểm-soát được nước này.

Năm 1853, Hoa-kỳ cũng tỏ ý bất-mãn về việc Pháp và Anh ủng-hộ Tây-ban-nha tại Cuba.

Chủ-nghĩa Polk hình như được thực hành một cách triệt-đề. Nhưng đến năm 1869, Tổng-thống Grant lại cải-tổ lại. Trong bản công-diệp ngày 6 Décembre 1869, Tổng-thống Grant tuyên bố các thuộc-địa của các nước Âu-châu chiếm được tại Mỹ-châu không được luân-chuyển của nước nọ sang cho nước kia, nghĩa là cấm nước Pháp không được di-dịch quần-đảo Miquelon cho Chính phủ Gia-nã-đại. Mà Gia-nã-đại không được giao cho Pháp một cù-lao nào trong miền Saint Laurent để đánh tôm hùm.

Năm 1870, Hoa-kỳ công bố: việc bán miền Saint Barthélemy cho Ý-đại-lợi có thể coi là một việc trái với chính-sách Hoa-kỳ không muốn các nước Âu-châu đặt thêm thuộc-địa tại Tây-bán-câu.

Tuy vậy, năm 1877-1878, Anh cũng nhượng xứ Saint Barthélemy cho Pháp.

Sau cuộc tranh địa-giới tại Vénézuéla, Olney công-bố không những các nước bạn can-thiệp đến Mỹ-châu sẽ coi là thù nghịch, mà một nước Âu-châu nào — dù là dân-chủ — cũng không thể đặt một nước Mỹ-châu nào dưới quyền kiểm-soát của mình. Olney lại công nhận là sự mở rộng phạm-vi một thuộc-địa Âu-châu có thể làm giảm thế lực một nước Mỹ-châu và làm mất hết tự do của nước ấy.

Olney và Cleveland yêu cầu Hoa-kỳ nên có đủ quyền lực để đối phó với những việc can thiệp bằng võ lực của một cường quốc Âu-châu vào lục địa Mỹ-châu. Roosevelt lại muốn cho Hoa kỳ có quyền duyệt-y những việc can thiệp ấy, mục đích đặt một cuộc bảo hộ trên khắp lục địa Mỹ-châu.

Năm 1903, các trái chủ Âu-châu đòi nợ xứ Saint Domingue, ngoài việc nhượng đất hay việc nhận

quyền kiểm soát ngoại quốc, không còn cách gì để giải quyết xong món nợ ấy. Chủ nghĩa Olney cũng như chủ nghĩa Polk phản đối lại chính sách ấy. Tuy vậy, xứ Saint Domingue có nợ thực, nên Tổng thống Roosevelt can thiệp và đặt kiểm soát nền tài chính xứ ấy dưới quyền Hoa kỳ.

Tổng thống công bố Hòa-kỳ chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn các nước Mỹ châu.

Tại Mỹ-châu, các giới đều công nhận chủ nghĩa Monroe, dù về một phương diện nào, cũng đã thuộc về thời kỳ dĩ vãng, không còn công hiệu với tình thế hiện thời nữa.

Năm 1823, Monroe muốn ngăn cản các cường quốc trong hiệp ước Thần thánh đồng minh không được đến xâm chiếm một phần đất nào của Mỹ-châu. Nhưng từ năm 1845, dân Hoa kỳ đã mở rộng phạm vi cho cái quan niệm ấy, đến nỗi không cho các nước Âu-châu được quyền di dịch các thuộc địa ở châu Mỹ của nước nọ sang nước kia. Nhưng chính sách ấy bao giờ cũng bị phần đông các nước Âu-châu và dân tộc Mỹ-châu phản đối. Không một nước Âu-châu nào công nhận cái chính sách ấy, mà cho tới ngày nay, không một ai hiểu rõ tình thần chủ nghĩa Monroe ra sao.

Những việc sau này đủ tỏ cho ta biết là tuy có chủ nghĩa Monroe, mà các nước Âu-châu vẫn thường can thiệp vào các công việc Mỹ-châu:

Năm 1829 và 1838, nước Pháp phong tỏa La Plata.

Năm 1833, nước Anh chiếm được quần-đảo Falkland và vẫn nắm chủ quyền từ hồi ấy tới nay.

Năm 1859, nước Tây-ban-nha và nước Anh kéo quân vào xứ Mễ-tây-cơ đập đổ chính phủ xứ ấy.

Năm 1862, nước Anh phong-tỏa xứ Brésil.

Năm 1866, nước Tây-ban-nha khai chiến với xứ Pérou và xứ Chili, ném bom phá thành Valparaiso.

Năm 1867, nước Anh cho quân sang đánh xứ Paraguay và ném bom phá thành Omena vào năm 1875. Năm 1895, Anh chiếm cứ sở

thường chính Corinto, lại đồng ý với Ý và Đức, Anh ném bom xuống các hải cảng Vénézuéla vào năm 1902.

Xem các việc đã xảy ra như thế, đủ biết chủ nghĩa Monroe vẫn duy trì được tới ngày nay là do đưng về một phương diện khác với ý nghĩ người ta vẫn tưởng tượng. Hoa kỳ không thể công nhận để một lân quốc nào bị xâm chiếm, theo một chính sách không liên can đến sự sinh hoạt của nước ấy.

Như vậy, cái quan niệm của chủ nghĩa Monroe là không phản đối lại cuộc chiếm cứ đất đai tại Mỹ-châu bằng các phương pháp hòa bình. Mà một cuộc khiêu khích của một nước Âu-châu đối với một nước Mỹ-châu cũng không bị ngăn cấm. Chủ nghĩa Monroe chỉ cốt chống lại việc Âu-châu định đặt tại Mỹ-châu phong trào phản đối dân chủ là một phong trào hiện có tại Âu-châu. Chỉ có phong trào ấy mới làm cho lục địa Mỹ-châu không được yên ổn, chứ không phải sự chiếm cứ đất Mỹ. Hoa-kỳ đã từng công bố không sợ một lân quốc nào cả.

Nếp dưới bóng chủ nghĩa Monroe, hội nghị La Havane họp tháng Juillet 1940 đã đưa thế giới đến một tình thế mới. Các dân quốc Mỹ công bố những việc đình phá hoại nền trật tự, những việc xâm chiếm đất đai, tổn thương đến chủ quyền, đến nền độc-lập, đều coi là những việc khiêu khích với tất cả các nước Mỹ-châu, dù chỉ liên can riêng đến một nước Mỹ châu thôi.

Hình như cuộc chiến tranh hay cuộc phá hoại, — dù hợp pháp hay không — đối riêng với một nước Mỹ châu nào cũng đều được toàn thể Mỹ-châu hợp tác chặt chẽ để phản đối đến cùng.

Vì vậy mà có cuộc liên-Mỹ tranh luận tại hội nghị Rio de Janeiro họp tháng Janvier 1942 để quyết nghị những phương pháp phòng thủ chung cho Tây-bán-câu, để đối phó với cuộc chiến-tranh hiện thời. (HẾT)

NHẬT NHAM

Tin văn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Theo bản thông cáo ngày 10 Aout 1942 thì các bom do một đoàn phi-cơ Tàu ném ở Haiphong vào trưa ngày 9 Aout đã làm cho Sáu kho bị thiệt hại.

Số người bị nạn hiện biết là: 47 người chết trong số đó có 3 người Pháp, và 75 người bị thương trong số đó có 1 người Pháp.

Các nhà đương chức Pháp và Nhật sẽ dùng nhiều phương-pháp để tăng thêm hiệu lực cho sự phòng-thủ, nếu về sau này còn bị đánh.

Đúng 4 giờ rưỡi chiều hôm 10 Aout ở Haiphong đã làm lễ cất đám các người bị nạn. Dân chúng đi diễu trước quan tài các người bị nạn bắt đầu từ 3 giờ chiều. Quan phó Toàn-quyền Đông-dương và quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã tới chủ lễ đám tang các người bị nạn.

Hôm 11 Aout, ở Bắc-kỳ có còi báo động từ 15 giờ 35 phút đến 16 giờ 35

Có phi cơ lai bay qua miền biên-thùy Bắc-kỳ ở phía đông bắc và có ném ít nhiều bom. Có người bị nạn nhưng hiện nay chưa biết là bao nhiêu.

Tự giác, giác tha

Hội 8 giờ tối 13-8-42, tiểu ban Hội « Truyền bá quốc ngữ » họp tại hội quán Tri Tri, Hanoi, ngỏ lời mời các nhà làm báo ở xứ ta vào Hội cho thật đông để lập thành một ủy ban báo giới trong hội giúp việc hoặc giới thiệu cho nhiều người biết rõ tên chỉ H. T. B. Q. N. là cốt làm cho chữ quốc ngữ ngày được phổ thông khắp nơi dân gian, hoặc cổ động cho các giới đều đề tâm đến Hội mà tham dự vào những ban như dạy học, khánh-tiết, làm sách. v. v. Nói tóm, mong ai nấy sẵn lòng giúp Hội hoặc về tinh thần hoặc về vật chất.

Hiện nay, Hội đã được phép mở

các chi nhánh ở Hà đông, Hải-phong, Bắc ninh, phủ Lạng thương, v. v. Năm nay hội đã dùng đến một số tiền hàng 4000p vào công cuộc « chống nạn thất học »: mua sách dạy văn quốc ngữ, vở, giấy bút và in những sách truyền bá các môn thường thức để phân phát cho các học sinh trong hội.

Hội đang dự định đi sâu vào các vùng thôn quê. Những tiếng thiết tha kêu gọi ấy của hội T. B. Q. N. chúng tôi mong sẽ được các giới hưởng ứng một cách sốt sắng.

PHÓNG-VIÊN

TRA NGHĨA CHỮ NHO

tiếp theo trang 5

mở tý nào». Khâm-định, Việt-sử tông-vịnh, quyển 9 từ 23b-24a, chép: « năm Trùng hưng thứ hai, tức là năm 1286, nhà Nguyên lại sai thái-tử là A-thai, thượng-thư là Áo lỗ xích, bình-chương sự là Ô-mã-nhi, đại tướng quân là Trương vưu-Hồ, một lũ đem năm mươi vạn quân và ba trăm thuyền bè, đến xâm lấn nước ta. Năm Trùng hưng thứ tư, 1288, quân Nguyên họp tất cả ở sông Bạch đằng: Hưng-đạo vương đánh vỡ tan, bắt được bình-chương là lũ Áo-lỗ-xích, Tích-lệ Cơ-ngọc và Ô-mã-nhi. Thoát-Hean và A-thai trốn được. Xa-giá vua Trần-Thánh-tôn và Trần Nhân-tôn về phủ Long-hung, dâng tâu việc đánh được giặc ở Chiêu-lăng. Thấy chân ngựa đá ở lăng dính bùn..., khi vua lên bái yết Chiêu-lăng, có câu thơ rằng: « Xả-tặc luống hồi lao thạch-mã, sơn-hà thiên-cổ điện kim-âu », nghĩa là xả-tặc hai lần làm khó nhọc đến ngựa đá, núi sông nghìn năm vững bền như âu vàng Chiêu-lăng nay ở huyện Thượng-nguyên, phủ Thiên-trường. »

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN-TỐ

Hai buổi hài-kịch ngày 15 và 16 Aout tại nhà hát Tây

Nếu chúng ta tin lời cổ nhân « Tiểu tác trường sinh » thì hãy đi xem hai buổi hài kịch này, diễn tới thứ bảy 15 và ngày chủ nhật 16 Aout.

Vé đã bắt đầu bán tại nhà hát Tây.

Nào ai là người thích những món tiêu-khiến tao-nhã, yêu nghệ-thuật kịch-trường, hãy đến mà xem hai vở: « Cái ghen của anh Tèm Tèm » — « Người hà tiện » để thưởng thức tài-hoa của các tài-tử Bắc-Kỳ Kịch Đoàn.

Ông Bourrin còn dự-định đem các vở này diễn tại các rạp Hanoi, trước khi đi vòng khắp các tỉnh, theo như ý muốn của quan Toàn-quyền. Thế là nhân sĩ Bắc-hà cũng sẽ được thưởng thức tán-kịch và dự vào công-cuộc tiến hóa của nghệ thuật mới. Ngoài hai vở này, Bắc-Kỳ Kịch đoàn lại còn dự-định diễn các vở: a « Hai chá lính trừ-bị » của ông Nguyễn văn Mô phỏng theo vở Les 2 Réservistes của Ernest Voix.

b « Biển lận » vở rất lý-thú của ông Vũ trọng Can.

c « Thầy Thông Ngôn » phỏng theo vở bất-hủ của văn hào Tristan Bernard: « L'Anglais tel qu'en le parle ».

d « Còn nữa » phỏng theo hài-kịch Encore của Henri Gheon

Bốn vở hài-kịch, bốn trận cười, bốn trống-canh mua vui

VĂN-ĐỀ « HOC »

Những sự thay đổi trong BAN TIÊU-HỌC PHÁP

NHÂN-NGHĨA

QUAN-BÁO Đông-pháp (Journal Officiel de l'Indochine française) số 49, ngày 25 Juillet 1942, có dành riêng sáu trang đăng rõ những sự thay đổi trong chương-trình tiêu-học Pháp (enseignement primaire français).

Những cái đăng trong mấy trang ấy, hợp với tờ thông-tư ngày 25 Octobre 1941 của ông Giám-đốc Học-chính Đông-dương (xem Bulletin Général de l'Instruction publique n° 4 Décembre 1941), đã có thể cho ta những ý kiến tạm gọi là rõ-ràng về sự cải-cách trong ban tiêu học Pháp ngày nay.

Theo chế-độ cũ, nghĩa là trước khi có những sự cải-cách này, thì ban tiêu-học Pháp chia làm 2 bậc: sơ-đẳng tiêu-học (primaire élémentaire) và cao-đẳng tiêu-học (primaire supérieur).

Ngày nay bậc cao-đẳng tiêu-học đã bị bãi bỏ. Ở Đông-dương, nghị-định ngày 31 Mai 1942 của quan Toàn-quyền đã đổi các trường cao-đẳng tiêu-học Pháp thành những trường « collèges » trung - học.

Bốn năm của bậc cao-đẳng tiêu-học cũ *année préparatoire, première année, deuxième année, troisième année* đổi tên là: *sixième B, cinquième B, quatrième B, và troisième B*.

Vì có sự bãi bỏ ấy, từ nay ta không cần bận tâm phân-biệt những chữ cao-đẳng và sơ-đẳng nữa, mà chỉ nói vắn-tắt hai chữ « tiêu-học » thôi.

Vậy ban tiêu-học Pháp bây giờ tổ-chức ra làm sao?

Tờ thông-tư ngày 25 Octobre 1941 đã nói trên kia cho ta biết rằng có hai bậc tiêu-học.

Bậc thứ nhất (1er cycle) có 5 lớp: *section préparatoire, cours élémentaires 1ère et 2e années, cours moyens 1ère et 2e années*

Học-trò học trong 5 năm, từ năm sáu tuổi đến năm mười một tuổi. Hết lớp trung-đẳng năm thứ hai, thi lấy bằng « *Diplôme d'études primaires préparatoires* ».

Theo chế-độ cũ, học hết lớp cao-đẳng (cours supérieur) mới thi lấy bằng « *Certificat d'études primaires élémentaires* ». Bây giờ không có lớp cao-đẳng nữa.

Quan-báo Đông-pháp ngày 25 juillet 1942 cho ta biết rõ cách tổ-chức bậc thứ hai (2e cycle).

Bậc này gồm có 2 năm học, gọi là: *première année* và *deuxième année*.

Muốn vào năm thứ nhất, phải có bằng « *Diplôme d'études primaires préparatoires* ». Học hết năm

thứ hai, thi lấy bằng « *Certificat d'études primaires* ». Ta nhận thấy ở đây không có chữ « *élémentaires* » sau chữ « *primaires* » như trước kia nữa.

Không kể những tay xuất-sắc, thì số đông học-sinh Pháp đỗ bằng DEPP vào năm 12 tuổi và bằng CEP vào năm 14 tuổi.

Sau khi có bằng DEPP, học-sinh có thể chọn một trong hai đường này:

1 Theo học bậc thứ nhì ban tiêu học để có thêm kiến-thức phổ-thông rồi sau học nghề hay kiếm việc làm;

2 Còn muốn bước xa nữa trên thang học-vấn, thì phải vào ngay ban trung-học, để sau này thi tú-tài.

Ở đây, ta nhận thấy một cách rõ-ràng duyên-cớ tại làm sao người ta bãi bỏ bậc cao-đẳng tiêu-học cũ.

Thêm một năm lớp cao đẳng rồi lại bốn năm bậc C Đ T H, vị-chỉ là 5 năm: 5 năm ấy đào-tạo ra một hạng người, « chữ » thì chưa lấy gì làm giỏi, mà « nghề » thì chẳng biết một nghề gì cả, làm « thầy » chưa nổi mà làm « thợ » cũng không xong!

Bây giờ không thế nữa: một là chỉ cốt đủ kiến-thức phổ-thông rồi xoay ra « học nghề », hai là muốn « học chữ », thì phải đi xa hơn xưa, ít nhất cũng phải đến được bậc bằng tú-tài.

Tôi sẽ trở lại vấn-đề « học » này trong nhiều bài khác.

NHÂN-NGHĨA

ĐÃ CÓ BẢN

Xuân Thu

Nhà tập

Tư-tưởng, văn-chương và nghệ-
thuật Tiên - Phong.

Nam-đàn bát châu tục thảo

Số 2

Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo nhân

III

CHỢ ĐỒNG-XUÂN, PHIÊN NGÀY TẾT (Thơ soạn)

Kể từ thửa Lê hoa, Lý quả,
Chợ Đồng-xuân xuân cả bốn mùa.
Tuồng chừng nay hội chen-đua,
Về người tán, cừu, món đồ lạ,
Tục Nguyễn-đán, Đào-hoa-nguyên
trong thế-giới;
Cảnh Đồng - xuân, an - lạc - quốc
buổi phân-tranh.
Hoa thơm gửi mua một cảnh,
Về cảm độc : bình, kỷ - niệm
nghênh - xuân.

Chú - thích

Đào-hoa-nguyên — nói phong-tục cổ. Sau này trong tập thi-thảo sẽ có bài chép truyện « Ngư-phủ nhập Đào-nguyên ».

An-lạc-quốc : nói cảnh-thờ thái-bình. Kinh Thi : « thích bĩ lạc-quốc ».

IV

XEM THƠ TRẦN - VŨ - QUÁN, TRUY - THUẬT (Thơ soạn)

Ta ngày nọ, xem thơ đề Trấn-vũ;
Hàng chữ nhỏ, cảm - tá nhận
rành-rành.
Đồng-giang, câu thơ trứ - danh :
« Nam bang Bắc-trấn, Đông-kinh
Tây hồ ».
Lầu bích - nguyệt, từ thu lưng
cút rượu;
Hồ thanh - liên, cảnh hạ một con
chèo.
Ngày nay thi-xã đổi chiều,
Thơ đề Trấn - vũ ít nhiều Quốc-
âm ?

Chú - thích

Truy thuật : Đại-đề cũng như truy - úc, truy - cảm.

Đồng-giang : hiệu họ Phan-Vân-Ái người Đồng-tĩnh, Văn-giang,

Bắc-ninh. Cụ vốn là bậc danh-nhân trong cõi thơ, thơ đề Trấn-vũ-quán của cụ có câu : « Đông-kinh phong-vật Tây-hồ thắng ; Nam quốc thần-linh Bắc-trấn tôn ». Nghĩa là bề phong-cảnh ở Đông-kinh thì Tây-hồ là thắng ; bậc thần - linh ở Nam - quốc thì Bắc-trấn là tôn. Câu thơ ấy dùng bốn chữ « đông, tây, nam, bắc » : tài-liệu tề-chỉnh, ý-nghĩa đầy-đủ, bút-pháp tự-nhiên, phi bậc thiên-tài không viết nổi, đã từng truyền tụng trong một thời-kỳ. Vậy biết câu thơ hay chỉ một câu là đủ truyền - tụng, không cần nhiều ít văn dài. Đông - kinh tức Hà - nội ngày nay, nhà Hồ nhà Lê gọi Thanh - hóa là Tây - đô, Thăng-long là Đông-đô.

Bích-nguyệt : bích là ngọc bích, nói mặt trăng sáng đẹp.

Cút : đồ đựng rượu lối cổ.

Định nghĩa chữ « ta »

Chữ « ta » có 8 nghĩa cả thầy :

1. — Đối với bề tôn-kính hay là trân-trọng thân-yêu mà noi, như là cha ta, mẹ ta, tổ-tiên ta, quốc hoàng-thượng ta, thầy ta, bạn ta, đôi ta, v. v.

2. — Đối với quyền-lợi hưởng-thụ chung mà cũng tỏ lòng thân-yêu mà noi, như là nhà ta, nước ta, đồng-bào ta, chúng ta v. v.

3. — Mình đối với mình mà nói, như là tâm-sự mình lại gửi-giải với can-tràng mình, lời mình lại cảnh-cáo thân mình v. v... thì chữ « ta » ấy tức là chữ mình, không can-dự gì đến người khác.

4. — Đối với bạn đồng-du mà nói, như là : « Người cùng phiên tỉnh gửi yên-thúy ; ta còn bầu bạn chưa đình-châu » Nguyên câu Hán-tự thơ Trấn-vũ-quán. Chữ « ta » với chữ « người » là phương-thế đối-địch và thân nhau.

chữ người ở câu thơ trên, chữ đọc lầm là chữ « người ».

5. — Đối với người tri-kỷ mà nói, như là ta lại gặp ta, ta lại biết ta, thì chữ « ta » là chữ nói chỉ chung của cả hai người, nghĩa là hai người như một.

6. — Đối với số nhiều mà nói, tức là lời trống không, như là con người ta v. v.

7. — Đối với bậc dưới mà nói ; như là ta bảo cho hay, phải nghe lời ta v. v.

8. — Đối với kẻ vắng mặt mà nói một cách ít trân-trọng, như là cô ta, chị ta, ông ta, lão ta v. v., song những lời ấy kẻ thượng-lưu cũng ít dùng.

Vậy mà trong xã hội hoặc có một số ít người giữ thói câu-nệ : hề thấy câu thơ có chữ ta, thì tỏ ý bất-mãn, cho là thiệp ý kiêu-ngạo. Như thế thì thực lạ quá. Có biết đâu chữ « ta » trong Quốc-âm vốn có tinh-thần thiêng hiêng, ý - nghĩa chính - đáng, thể dụng phong phú. Nếu làm thơ mà kiêng kỵ chữ « ta », thì còn gì là tính cách thơ, chẳng thà đừng làm thơ. Nay nghĩa chữ « ta » đã định rõ-ràng ; thi-gia chỉ nên theo con đường chính-dáng mà dùng, không phải câu - nệ gì cả. Mà người xem thơ tưởng cũng không nên câu-nệ cho qua lăm. Duy thi-gia khi dùng chữ « ta », cũng nên trịnh - trọng, khiến cho tuần - nhã hợp phép, không nên câu-thả lạm dụng, đó lại là chức phận của thi gia. Nghĩa chữ « ta », truyện Kiều rất tinh nhã.

Phụ bản thi xã đổi chiều

Vào xem Trấn vũ quán, chẳng khác gì vào xem cuộc triển lãm thơ. Ngày xưa Hán học thịnh, thi thơ Hán tự hay, mà thi xã Hán tự thịnh, là lẽ tất nhiên. Ngày nay
xem tiếp trang 20

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Août

LONG-ĐIỀN

I

1-8-1942, thứ bảy, 20, tháng sáu,
nhâm ngọ

Ngày nay năm quý-mùi 21-7-1883,
vua Hiệp-Hòa lên ngôi.

2-8-1942, chủ nhật, 21, tháng sáu,
nhâm-ngọ

Ngày nay năm đinh-hợi, 10-8-1887,
các cửa bể và các sông ở Bắc-kỳ,
như cửa Cẩm, cửa Nam-triệu, cửa
Lục, sông Nhị-hà bắt đầu mở cho
các nước vào thông-thương.

3-8-1942, thứ hai, 22, tháng sáu,
nhâm ngọ

Ngày nay, năm nhâm-tuất, 1802,
quân vua Gia-Long hạ thành Thăng-
long (Hanoi).

4-8-1942, thứ ba, 23, tháng sáu,
nhâm ngọ

Ngày nay, năm bính-ngọ, 1789,
quân Tây-sơn ra Bắc, nhân dân
thành Thăng-long rất nôn-nao xao-
xuyến, vì những lính chạy trốn
được về và những gia-quyển lính
tử-trận kéo đến lẫn khóc ở cửa
Phủ.

5-8-1942, thứ tư, 24, tháng sáu,
nhâm ngọ

Ngày nay, năm ất-mùi, 1655, chúa
Trịnh-Cần, đem quân sang sông
Lâm-giang tiến đánh quân chúa
Nguyễn ở làng Nam-hòa huyện
Thanh-chương, Nghệ-an.

6-8-1942, thứ năm, 25, tháng sáu,
nhâm ngọ

Ngày nay, năm quý-mùi, 28-7-
1883, thủy-quân Pháp đi tuần-tiểu
các giòng sông, gặp quân Cờ-đen
ở sông Nhị-hà và sông Đáy.

7-8-1942, thứ sáu, 26, tháng sáu,
nhâm ngọ

Ngày nay, năm bính-ngọ, 1786,
quân Tây-sơn ra Bắc-kỳ. Chúa Đoàn
vương Trịnh-Khai phải bỏ kinh-
thành Thăng-long chạy về mạn bắc.

8-8-1942, thứ bảy, 27, tháng sáu,
nhâm ngọ

Ngày nay, năm giáp-thân, 1884,
vua Hàm-Nghĩ thiết đại triều để
tiếp-kiến các quan Đại-Pháp.

9-8-1942, chủ nhật, 28, tháng sáu,
nhâm ngọ

Ngày nay, năm bính-ngọ, 1786,
chúa Trịnh-Khai bị tên tuần Trang
làng Ha-lôi bắt đem nộp cho Tây-
sơn. Chúa Trịnh-Khai tự đâm cổ
chết.

10-8-1942, thứ hai, 29, tháng sáu,
nhâm ngọ

Ngày nay, năm bính-ngọ, 1786,
ông nghệ Lý Trần-Quán được tin
chúa Trịnh-Khai bị bắt mà chết,
cũng tự tử theo.

11-8-1942, thứ ba, 30 tháng sáu,
nhâm ngọ

Ngày nay năm giáp-thân, 20-8-1884
triều đình nhà Thanh trả lời phản-
kháng việc Chính-phủ Pháp bắt đền
sự thiệt hại và binh-phí xảy ra bởi
quân giặc Cờ-đen quấy nhiễu Bắc-
kỳ.

12-8-1942, thứ tư, 1 tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay năm ất-dậu, 1885, quân
Pháp ra đóng án ngữ ở Vinh để chặn
đường vua Hàm-nghĩ ra Bắc.

13-8-1942, thứ năm, 2, tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay năm giáp-ngọ, 1594, công
thần nhà Mạc là Nguyễn-ngọc-Liễn
mất ở châu Vạn - ninh, Lạng - sơn
Bắc-kỳ.

14-8-1942, thứ sáu, 3, tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay năm giáp-ngọ, 1294, danh
tướng nhà Trần là Trần-quang-Khai
mất.

15-8-1942, thứ bảy, 4, tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay, năm nhâm-thìn, 1892
quân Pháp giao-chiến với giặc khách
ở châu Phúc-Hòa, Cao bằng. quan
ba David bị thương.

16-8-1942, chủ nhật, 5, tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay, năm bính - ngọ, 1726
sinh-nhật ông Bổng-nhân Lê-quí-Đôn
17-8-1942, thứ hai, 6, tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay, năm ất-mùi, 1835, quân

Triều-đình khôi - phục được thành
Gia-định mà quân giặc Lê văn-Khôi
chiếm cứ.

18-8-1942, thứ ba 7, tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay, năm bính - ngọ, 1786,
chúa Tây-sơn Nguyễn văn-Huê vào
triều vết vua Lê - hiên - Tôn ở điện
Kính-thiên tại thành Thăng-long.

19-8-1942, thứ tư, 8, tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay, năm nhâm-dần 11-8-1902
xe hỏa đường Hanoi - Haiphong
bắt đầu chạy.

20-8-1942, thứ năm, 9, tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay, năm quý-dậu, 31-8-1873
Khâm - sai Lê - Tuấn và khâm - sai
Nguyễn-văn-Trường tới Sài-gòn để
thương-thuyết với Sứ-nhĩ Pháp về
việc trục - xuất Đờ-phổ-Nghĩa Jean
Dunnis ở Hanoi

21-8-1942, thứ sáu, 10 tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay, năm quý-mão, 1783 chúa
Nguyễn-Ánh (vua Gia-long) hội-đồng
các quan bàn việc nhờ đức Cha Bá-
Đa - Lộc (Evêque d'Adran) sang
Pháp mượn binh.

22-8-1942, thứ bảy, 11 tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay, năm nhâm-thân, đức
Bảo-Đại ở Paris xuống Marseille để
đáp tàu về nước.

23-8-1942, chủ nhật, 12 tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay, năm quý-mùi, 1883, quân
Pháp lên đánh quân Cờ-Đen ở làng
Vòng thuộc Hoài - đức Hà - Đông
Bắc-kỳ.

24-8-1942, thứ hai, 13 tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay, năm quý-mùi, 1883, đờ
Trèm võ, quân Cờ-đen bị chết đuối
hơn nghìn người.

25-8-1942, thứ ba 14 tháng bảy,
nhâm-ngọ

Ngày nay, năm canh - thân 1518,
vì vua Lê - chiêu - Tôn vì nghe lời
gièm, ngờ Trần-Chân phản nghịch,
đem giết Trần-Chân và nhà tráo cả
thảy sáu người. Bộ tướng Trần-Chân
là bọn Hoàng-Duy-Nhạc, Nguyễn-
Kính, Nguyễn-Áng dấy quân làm
loạn, họp nhau ở chùa Láng (thuộc
huyện Hoàn-Long), tiến quân phạm
Xem tiếp trang 20

Tài liệu...

Tiếp theo trang 8

Thương nàng năn-nỉ, trách duyên rì-rầm.
 Quên đã lắm, chia đã lắm,
 Tao-khang nàng giữ. đình-dinh hỡi thi.
 Giận ý nên, thù ý nên,
 Trăm hồn ai há cách niền còn hồn?
 Lỗi dâm quên, nợ dâm quên.
 Cất hiềm dấp tãi, được ơn xót hồng.
 Sự mơ-mòng chớ mơ-mòng,
 Hỡi thương con, hỡi kính chồng vẹn hai.
 Nguyện dâm phai, nghĩa dâm phai,
 Bụng lắm dấy, thù đơn sai trần trờ
 Tin ngày xưa nghĩa ngày xưa,
 Bắc nam mong dứt lòng chưa biết lòng.
 Ngỡ góa-vòng, quá gion vòng,
 Phải ngửa xem trước, hoai phỏng liệu sau.
 Há quên đâu, há phụ đâu.
 Ngọt bùi đã trái, rủa rau đã tường.
 Giữ đạo thường, chớ phi-thường,
 Sự nhân thời chẳng đa mang máng hề.
 Kết tóc tơ, vẹn tóc tơ,
 Lòng xưa hỡi tạc, nghĩa xưa chớ rời.
 Sinh trong đời, ở trong đời,
 Trượng-phu mấy kẻ phụ người hồng-nhan.
 Nghĩa tạo-doan, chớ đa đoan,
 Nàng Nhan hỡi giữ niềm đan đạo hằng.
 Cao mẩy từng, đã mẩy từng,
 Đôi vai chừng quả, đôi vừng xét soi.
 Bận trúc mai kết trúc mai.
 Vóc gương đã hợp trang đài bấy lâu.
 Nghĩa áo bào, vẫn phân bào,
 Thôi đừng nghĩ ngợi mà đan tính tình.
 Đứng dưới giăng, nguyện dưới giăng,
 Ý đã biết ý, lòng chẳng giận lòng.

Nam đàn bát châu

tiếp theo trang 18

thi xã đôi chiều, một ngày kia
 Quốc âm thịnh, thì thơ Quốc âm
 hay, mà thi xã Quốc âm thịnh,
 tưởng cũng là lẽ tất nhiên Ôi!
 Trấn vũ quán tự xưa đến nay
 chính là chỗ vũ đài của thi nhân,
 vạn cò giang san ấy, thành thị ấy,
 phong cảnh ấy, hàn - mặc ấy,
 chẳng hay Trấn vũ quán ngày nay
 thơ quốc âm đề vịnh đã có nhiều
 ít hay chưa? Trấn vũ tao đàn vì
 có gì mà tịch mịch, xưa sao như
 chợ, giờ sao như chùa? Đều đó
 xin còn đặt dấu hỏi.

Thơ Hàn tự trong Trấn vũ quán
 thì nhiều. Tôi sẽ xin trích ra một
 bài « Đề Trấn vũ lâu » của một
 nhà thi bá nước ta hồi trước, dịch

ra Quốc âm, để tiện cho thí gia đề
 ý cổ kim, lưu tình lãm khảo.

Kỳ sau sẽ tiếp

Hà - đông NGUYỄN ĐÔN - PHỤC

NHỮNG NGÀY « LỊCH SỬ »

tiếp theo trang 19

kinh-thành. Đang đêm, vua phải
 sang Bồ-đề lánh nạn.

26-8-1942, thứ tư, 15, tháng bảy,

nhâm-ngọ

Ngày nay, năm mậu-thìn, 548, vua
 Lý-Nam-Đế (Lý-Bôn), mất tại động
 Khuất-liêu.

27-8-1942, thứ năm, 16, tháng bảy,

nhâm-ngọ

Ngày nay, năm quý-mùi, 18-8-1883
 Thủy-soái Courbet bắn đồn Thuận-

an (Huế).

28-8-1942, thứ sáu, 17 tháng bảy

nhâm-ngọ

Ngày nay, năm bình-tý, 2-9-1936,
 vua Bảo-Đại và quan Toàn - quyền

Cách loan phỏng, hợp loan phỏng,
 Đứng e đôi chữ, ngại ngừng đôi phương
 Rê bóng loan, hợp bóng loan,
 Kẻo còn thân vận tương vương cách vờ.
 Chót tin người, lỡ phải người,
 Đã nhời sàm-báng, lại nhời gièm-chê.
 Mỗi giếng ba, lỗi đạo ba.
 Sự nay sao ở giăng giá trêu vương?
 Từ hai phương, rê hai phương,
 Trà-mi héo nhẩn, liễu-dương ủ rầu.
 Luống đeo sầu, đượm giọt sầu,
 Hay duyên ở Chức chàng Ngán quấy người.
 Ghi hời nhời, chớ hời nhời,
 Cậy giăng soi xét, cậy giới chứng minh.
 Nguyễn đình-dinh, chớ đình-dinh,
 Gương vàng biết ý non xanh biết lòng.
 Trên vừng hồng tỏ mặt hồng,
 Hỡi ghi vàng đá nặng lòng nước mây.
 Duyên kịp đây, nghĩa kịp đây,
 Nỡ nào bề liễu phân tay cho đành.
 Đầu non xanh, kết tuổi xanh,
 Bạch Trần đối họ, ở anh một nhà.
 Nhân giới già, sánh tuổi già,
 Từ rày duyên hợp khúc hòa vầy vai.

Trích ở quyển Quốc-âm thi-ca tạp lục, sách viết
 bằng chữ nôm của trường Bắc-cổ, số A B 296.

Còn nữa

1. Bài trách bạc tình soạn vào khoảng cuối đời
 Lê. Bản nôm của Bắc-cổ không chép tên tác-giả, lại
 mất hẳn đoạn đầu, chỉ còn có câu « Trông giăng
 buồn chịu, bóng giăng mơ - mòng », rồi đến câu
 « Ngỡ văn-phòng, biết loan-phòng ». Hiện chưa có
 ai in ra quốc-ngữ.

Robin làm lễ bắt danh ốc nổi liền
 con đường sắt suốt Đông-Dương ở
 ga Trung-kỳ lúc bảy giờ sáng.

29-8-1942, thứ bảy, 18, tháng bảy,

nhâm-ngọ

Ngày nay, năm bình - ngọ, 1786,
 vua Lê-Hiến-Tôn mất, thọ 70 tuổi,
 trị-vị được 46 năm.

30-8-1942, chủ nhật, 19, tháng bảy

nhâm-ngọ

Ngày nay, năm quý-mùi, 1883,
 Triều-dinh Huế phái sứ đến tàu
 binh Pháp đóng ở cửa Thuận-an
 (Huế) yêu cầu đình-chiến.

31-8-1942, thứ hai, 20, tháng bảy,

nhâm-ngọ

Ngày nay, năm đinh-mão, 1927,
 Ta và Tàu xung đột nhau ở Hai-
 phong gây ra đến mấy ngày mới
 thu-xếp xong.

LONG-ĐIỀN

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 3

Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	TẬP (1)	QUYỀN	TRANG	NÓC HỜ
BÔN 貢 Vũ khắc	tự Trọng-phu	Hà tĩnh, La-sơn	N 38	17b		
BÔN 本 Lê-dại		Quảng trị, Hải-lăng	S 20	3a		cũng đọc « Bản »
BÔN 》 Võ-văn	sơ-danh Ngọc - giá, hiệu Tông-loan	Hà tĩnh, La-sơn	N 32	16a		»
BỬU 寶 Đào-dinh		Hưng yên, Ân-thĩ	N 29	7a		cũng đọc « Bảo »
BỬU 》 Huỳnh-phước		An giang	S 15	4b		»
BỬU 》 Nguyễn-đức		Thanh hóa, Qui-huyện	T 4	20b		nhập tịch Phú-xuân
BỬU 》 Trương-tấn		Vĩnh long, Bao-an	S 16	9b		nay thuộc cũ lao Bảo
BỬU 》 Võ-viết		Thanh hóa, Qui-huyện	S 17	12a		(Bến tre)
34						
C						
CẢNH 景 Huỳnh-tấn		Biên hòa, Phước-chánh	S 15	5a		
CAO MAN	Chơn-lạp		S 31	—		trọn quyền
CAO 高 Nguyễn		Bắc ninh, Quế-dương	N 41	22a		
CAO 告 Nguyễn-văn		Bình định, Phù-cat	N 40	19b		
CÁT 葛 Đoàn-văn		Bình định, Bồng-sơn	S 25	1b		
CẦM 錦 Nguyễn-văn		Gia định, Bình-dương	S 15	22a		nay là vùng Saigon
CẬN 近 Trương-thị		Quảng-trị	N 44	6b		
CẦN 》 Huỳnh-tấn		Quảng bình, Phong-lộc	S 15	19a		
CẦN 》 Nguyễn-đăng		Huế	T 5	13a		
CẦN 》 Nguyễn-văn		Định tường, Kiến-hòa	S 17	11a		
CẦN 》 Phan-tấn		Thừa thiên, Hương-trà	S 19	16a		
CẦN 》 Võ-xuân		Quảng bình, Lệ-thủy	N 12	1a		
CỖ 姑 Trần-thị		Quảng-yên	N 38	28a		vợ Phan đình-Thỏa
CỐC 谷 Tôn-thất		Huế	S 4	8a		
CỒN 滾 Huỳnh-văn		Quảng trị, Hải-lăng	N 41	2b		
CÔNG-CHÚA, chử tiên vương,	(4 người)		T 2	36a		
》 (Hưng-tổ)	Cả thấy 18 người :		S 3	2a		
》 (Thê-to)	Cả thấy 64, đấng đây 54	{ 17 người tại }	S 3	5b		
》 (Thanh-tổ)	ả thấy 35, đấng đây 30	{ 1 người tại }	N 9	3a		thiếu 10 người
》 (Hiển-tổ)			N 9	3b		thiếu 5 người
CÔNG 功 Lê-thành		Quảng-yên, Văn-đồn	S 18	8a		
CƠ 基 Nguyễn			N 39	10b		
CÚC 菊 Lê-mậu	sơ danh Đức-kỳ	Sơn tây, An-lạc	N 13	12b		
CƯ 居 Đoàn-cảnh		Quảng trị, Thuận-xương	S 15	8b		nay là vùng Cai-lộ
CƯ 》 Lê-văn		Định tường, Kiến-đăng	N 40	8a		(Mỹ-tho
CƯ 》 Nguyễn	tự Dịch-phủ	Quảng bình, Phong-đăng	N 30	1a		
CỰ 巨 Tạ-quang		Hanoi, Thanh-trị	N 17	10b		
CỬ 舉 Phan	(tự thống-thiệu, hiệu)	Thừa thiên, Phú-vang	N 25	20a		
CƯƠNG 綱 Lê-dại...	Kỳ-phong biệt hiệu	Nghệ an, Thanh-chương	N 18	10b		
CƯƠNG 疆 Lê-như	Cư-chánh-thị	Bình định, An-nhơn	N 40	21a		
CƯƠNG 崗 Trương-phước		Thừa thiên, Hương-trà	T 4	17a		
		Thanh hóa, Qui-huyện				

(1) T. ; Tiền - biên, S. ; Sơ-lập, N. ; Nhị-lập

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 8

của CHU-THIÊN

Hôm sau, y hẹn, Đặng - Mai thân đến dinh Trần - Long bá-lýết. Trần-Long truyền đặt tiệc tạ ơn.

Hai người ăn tiệc vui-vẻ ở nhà ngoài, bàn luận về văn-chương võ-bị rất là tương đắc. Nàng Lê - Kim có ý, đứng trong nhìn ra, nhận rõ mặt người, càng thêm sùng sốt nghĩ bụng rằng :

— Có lẽ chồng ta đây thật. Chữ thiên-hạ lại có người giống như đức thế à? Dễ mà đúng như lời Trần - tướng-quân, trong cơn tai biến chồng ta đổi họ và tên đi chăng?

Phải rằng nắng quáng đèn lóa,

Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thành-Chương?

Nàng đang nghĩ ngợi thế, thì thấy Trần - Long nâng chén rượu mời thêm Đặng-Mai và gặng hỏi :

— Chẳng hay tướng-quân có mấy vị phu-nhân, mà hôm nọ tiểu-tướng sang không được thừa tiếp?

Đặng-Mai bỗng sầm mặt lại có vẻ âu sầu, đáp rằng :

— Đa tạ tướng-quân! Tướng-quân có lòng hỏi đến khiến cho tiểu-tướng càng thêm chua xót!

Trần-Long vội hỏi :

— Tướng-quân cũng có điều chi phiền lòng như vậy? Dám mong tướng-quân cho tiểu-tướng biết một đôi phần, họa may tiểu-tướng có chia sẻ nỗi buồn được chút ít chăng.

Đặng-Mai rầu rầu nét mặt, nước mắt vùng quanh, khẽ lẽ rằng :

— Chẳng nói giấu gì tướng-quân, tiểu-tướng cũng không phải vốn chuyên nghề võ-bị mà chủ tâm vào đời văn học, đã có vợ con. Nguyên nội-nhân bị kẻ tham quan bắt đem dâng lên Mạc-vương. Tiểu-tướng đã nhiều lần trần khiếu thượng-ti,

nhưng đều bị dìm bỏ cả. Tiểu-tướng bèn lên kinh-đô dò thăm tin tức song cửa hầu sâu như bể, khó nổi nổi han. Rồi nhân đó xin làm vệ binh trong Mạc - phủ, cũng mong thấy người giáp mặt đề cùng nhau than thở nỗi lòng. Hay đâu vẫn tuyệt mù nào thấy bóng hồng vào ra! Sau tiểu-tướng biết nội - nhân đã trốn đi rồi, đã định bỏ về. Nhưng lúc đó Mạc-vương kén tướng tài, tiểu-tướng được người trên suy cử, được bổ làm chức Tiền-doanh đốc-thị. Một tháng sau, được bổ lên làm Trấn-thủ ở đây. Bản tâm tiểu-tướng cũng không muốn cầu cạnh công danh. Nhưng vì thời cơ thế bách, cũng phải theo đó làm đường xuất thân. Lâm lúc nghĩ đến tình xưa, nghĩa cũ, đã xin giải ấn từ quan, một thân lặn suối qua ngàn tìm nhau họa là có thấy. Nhưng những đơn xin giải chức đều bị thượng-ti bác bỏ, lại phải ngồi lại ở đây.

Trần-Long ngậm ngùi hỏi :

— Thừa tướng-quân, tiểu-tướng xin mạn phép Tướng-quân mà đường đột hỏi điều này : Nghe lai-lịch oanh liệt của tướng-quân, tiểu-tướng chợt nhớ có phải quý-danh tướng-quân trước là Thành - Chương họ Nguyễn không?

Đặng-Mai giật mình hết sức kinh-ngạc hỏi lại :

— Không ạ, tướng-quân lầm rồi, Tiểu-tướng vốn tên là Đặng-Mai.

Trần-Long cười nói :

— Như thế là tướng-quân còn giấu tiểu-tướng. Chữ thực tướng-quân chính quê ở Hải-dương. Chỗ anh em cả, cùng một cảnh huống như nhau, tướng-quân bất-tất phải giấu giếm như vậy.

Đặng-Mai ngẩn-ngờ một lúc rồi nói :

— Nhưng sao tướng-quân lại biết được rõ tiên-danh? lạ quá, mà tiểu-tướng, trước khi phó nhậm tể-hạt vốn chưa quen biết tướng-quân.

— Không những thế, tiểu-tướng lại được biết tôn-tần quý-danh là Lê-Kim nữa.

Đặng-Mai càng lấy làm lạ, sợ-hãi đứng dậy chấp tay, vái hỏi :

— Tướng-quân là thần minh hay sao mà hiểu rõ ẩn tình của tiểu-tướng như vậy?

— Thừa tướng-quân, tiểu-tướng không thánh-thần gì cả. Tiểu-tướng chỉ nhất tâm bài phục đức Hoàng-thiên an-bài khéo quá. Tiểu-tướng được biết là vì tôn-tần hiện ở cùng chuyết-kính đây. Vợ chồng tiểu-tướng vẫn một lòng tôn-kính.

Nói xong, Trần-Long sai người vào mời Lê-Kim ra. Còn Đặng-Mai chỉ thốt được một tiếng :

— À !...

Rồi ngồi im-lặng trong cảm-động bồi-hồi. Ở trong Lê-Kim nghe rõ cả, trong lòng hết sức vui mừng, ngồi ngẩn người ra một lúc. Đến khi tên lính vào mời ra, nàng mới vuốt lại mái tóc, nắn lại vành khăn, rồi uyển-chuyển đi ra. Trông thấy Đặng-Mai, nàng ấp-úng nói :

— Thừa phu-quân !...

Rồi đứng ngầy ra nhìn, không nói thêm được gì nữa. Đặng-Mai cũng vậy, sau mấy tiếng « hiền thế », cứ chăm - chấp nhìn hồi lâu không chớp. Hai bên đều im-lặng. Trong bầu không-khí im-lặng, như cùng kéo dài cái giây khắc thiêng-liêng, để hai cặp mắt cùng thu lại lấy hết cả hình ảnh và tâm hồn của nhau đã bao lâu xa cách. Không một giọt nước mắt. Không một tiếng thở dài. Chỉ một sự im-lặng trầm-thía ấy cũng đủ nói bao nỗi vui mừng và bao lòng thương-xót trong cơn cơ-cự ! Chỉ một sự im-lặng trầm-thía ấy cũng đủ khiến những người ngoài đời phải cảm-động và kính phục. Một hồi lâu, Đặng-Mai mới đứng lên, lại gần Lê-Kim cầm lấy tay nàng. Gặp nhau giữa lúc bất-ngờ, trong trường hợp không ai

hề tướng-tượng đến, sự sung-sướng hiện tại đã quá lòng mong ước, Lê-Kim không nhắc đến gì cả, chỉ hỏi :
— Con đâu ?

Đặng-Mai vui vẻ nói :

— Hiền thể chớ ngại. Con, tôi gửi nuôi ở trên thành. Để mai ta đi đón con về cho vui cửa, vui nhà.

Lê-Kim nói :

— Thật vì thiếp để cho phu-quân phải long-dong !

Đặng-Mai vội gạt đi :

— Không phải thế. Chỉ vì tôi hèn nên mới xảy ra cơ-sự như vậy ! Nhưng thôi, có thể mới được nếm mùi vui-vẻ lạ-lùng như ngày nay.

Rồi sực nhớ đến Trần-Long ngồi đấy, chàng quay lại nói :

— Cuộc tái-ngộ này thật nhờ Trần tướng-quân mới có. Ta phải lại cảm tạ tướng-quân.

Trần-Long vội đứng lên nói chần trước :

— Thừa tướng-quân và tôn-tần, việc này tự Trời Phật dun-dủi nên vậy, chứ tiểu-tướng chẳng có công gì.

Đặng-Mai nói :

— Vả, tiện-nội nương nhờ ở đây, chịu ơn tướng-quân nhiều lắm...

Trần-Long vội cướp lời :

— Đâu có phải là ơn ả ? Nói đến ơn thì chuyết-kinh còn chịu ơn tôn-tần che-chở nhiều lắm mà chưa báo đền được...

Lê-Kim liền nói :

— Thừa tướng-quân, tướng-quân cứ dạy thế. Chứ trong khi lưa-lạc, em nhờ có phu-nhân che-chở bênh vực cho mới còn được ngày nay...

Trần-Long vội xua đi rằng :

— Thôi ! xin tướng-quân và tôn-tần tạm bỏ việc ơn-huệ đi đã. Giờ ta hãy vui mừng cuộc tái-hội ly-ký mà Trời đã dành thưởng riêng những người trung nghĩa như tướng-quân và tôn-tần. Để tiểu-tướng xin vào gọi chuyết-kinh ra họp mừng với tướng-quân cùng tôn-tần.

Trần-Long đi vào. Một lúc sau, cả Phan phu-nhân, Liên-Tường và Trần-Long cùng đi ra, mỗi người một nhờ, hết sức thi nhau mừng-rỡ, cuộc trùng-phùng của vợ chồng Lê-Kim. Bữa tiệc chủ khách phút

chốc đã biến-chuyển ra bữa tiệc gia-đình. Tất cả năm người đến ngồi vào ăn uống rất là vui-vẻ. Họ cười nói huyền-thiên, nhắc lại cho nhau nghe những nỗi vất-vả vừa cùng nhau trải qua. Đã cùng nếm những bước gian-nan, nay lại được họp mặt nhau trong khi sung-sướng, họ hiểu nhau và trở nên thân nhau hơn ruột thịt ! Vui chơi suốt buổi hôm ấy, đến chiều, vợ chồng Lê-Kim mới cùng nhau lấy ta Phan phu-nhân, Trần-Long và Liên-Tường, dắt nhau ra về bên đồn dinh Đoàn-môn.

Vui-vẻ thay ! từ nay sum-hợp một nhà, từng cay đắng lại mặn-mà hơn xưa. Thật là châu về Hợp-phố, gương vỡ lại lành ! Những mẫu đời ly hợp bi hoạn lạ-lùng của cặp giai nhân kiệt-sĩ ấy còn lưu lại làm thiên giai-thoại cho người sau diễn truyền mãi mãi...

VI

Liên-Tường mừng được gặp rồi chỉ còn mong mỗi tìm thấy cha là Phan thượng-thư, nên thường bàn cùng Trần-Long thuê người đi tìm kiếm khắp nơi, dò la thăm hỏi, đã mất lắm công mướn, của thuê. Thường thường, Liên-Tường và Lê-Kim vẫn cùng nhau cưỡi ngựa đi quanh vùng Kinh-bắc vừa để cho biết quen thung-thổ, vừa mong họa may trong sự tình-cờ gặp được Phan-công chăng.

Một hôm, giờ chiều, chị em về qua khu rừng Đông-sơn. Mặt trời mới tận phương xa đã gần xuống ngang đỉnh dãy núi Tam-đảo, rớt những ánh vàng tươi nhạt lên những đỉnh núi Lim, núi Chè, núi Đông, làm cho mấy núi ấy bật lên khu rừng đã dần dần sẫm lại. Những bóng râm từ đằng tây cứ chập chờn đuổi nhau, vượt nhau và kéo dài ra bao trùm cả một đồng-quê bao-la bát-ngát. Chim chóc về rừng, tranh cành riu rít. Trước cảnh-tượng tung-bùng của thiên-nhiên nhuộm muôn màu sắc, hai nàng say-sưa ngắm cảnh, hương lồng tay cương, cho ngựa thong thả bước ven rừng. Bỗng từ đâu đi lại có sáu người đàn

ông ăn mặc gọn gàng ra về quân-sĩ, vác đồng, cầm dao, đi vượt lên. Hai nàng phải cầm cương giắt ngựa đứng né vào bên, nhường lối choi chúng đi. Chúng vượt qua cả rồi, một tên ngoảnh cổ lại nhìn, rồi nói với cả bọn rằng :

— Hai con bé nhà giàu đẹp quá, anh em ả !

Một tên nữa quay lại mà nói :

— Ừ nhỉ ! Ồ, vì con này mà chủ tôi bị bỏ mang đây. Ta quay lại bắt đi, anh em ! Món bỏ đây !

— Thèm vào ! Nhỡ có người biết. Một tên nói vậy, tên kia cãi :

— Không sợ ! Chiều tối mà đường rừng, chả còn ai đi nữa. Cho bằng có gặp ai thì chúng mình là người nhà quan, tha bắt chúng là tốt !

Một tên nữa tán thành, nói :

— Phải, được món bỏ, anh em ta bắt về Đưa nào sợ thì về trước đi !

Tức khắc cả bọn đều quay lại, giơ khí-giới ra cản đường. Một tên hô to :

— Hai cô kia đi đâu ? dừng lại hỏi này.

Liên-Tường và Lê-Kim nghe rõ chúng bàn tán, đã rút đoản kiếm ra phòng thân rồi, cứ cho ngựa đi bừa lên và nói :

— Các bác đi việc các bác, chúng tôi đi việc chúng tôi. Các bác không có quyền hỏi. Can gì chúng tôi phải đứng lại ?

Tên đầu xướng nói :

— À ! quân to gan nhỉ ! Anh em đánh bắt lấy !

Tức thì tất cả đồng dao đều giơ ra đâm vào ngựa bắt dừng lại. Lê-Kim và Liên-Tường liền múa kiếm nhảy xuống ngựa và quát :

— Quân này láo thật ! Không biết chúng ta đây là vợ quan Trấn-thủ ả ?

Cả bọn đều sẵn cả vào đánh, quát theo :

— Vợ quan Trấn-thủ cũng bắt !

Còn nữa

CHU-THIÊN

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Sắp phát hành hai cuốn sách quý

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

Một công trình nghiên cứu và phê-bình về nghệ-thuật, văn học, ngôn ngữ và phong tục của nhà kiến trúc.

Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN-NGHỊ Đã được ông Tổ (Bác-cổ) và nhiều báo chí Pháp, Nam ngợi khen. (Có in một số sách đẹp giấy bouffant và lệnh chỉ thượng hạng dành riêng cho các bạn đặt tiền mua tự giờ).

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ nghĩa đạo lý triết học Đông - tây như Épicure, Stuart Mill, Ben-tham, Zénon, Épilecte, Auguste Comte, Kant, Schopenhauer, Dur-kheim....

Không Tử, Lão Tử, Thích Ca, Trang Tử, Mạnh Tử, Dương Tử, Mặc Tử, Chuân Tử, v.v. để tìm lấy một đạo sống chiết-trung, xứng đáng với loài người (Có in một số sách đẹp bằng giấy lệnh chỉ và giấy regist dành riêng cho các bạn đặt tiền mua tự giờ).

Sách bán gần hết

Giá 2 p.00

THI-THOẠI

Mua sách, đặt sách, đề : M. LÊ VĂN-HOÈ giám đốc
QUỐC-HỌC THƯ-XÃ 16 bis rue Tien Tsin — Hanoi

Mới xuất bản :

**DANH NHÂN
VIỆT - NAM**

của PHAN TRẦN-CHỨC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0 \$ 7 0

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4 \$ 0 0

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p.30. Không gửi linh hóa giao ngân. Mandat ¹ tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, R¹ du Coton — Hanoi

Mới có bán

Thăng Phượng

tiền thuyết giáo dục của
NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH

.... Riêng tặng các bậc Phụ-huynh, các thầy giáo, và các cậu bé học-sinh

nghịch-ngợm

Sách dày hơn 200 trang

— Bìa rất đẹp — Giá 1 p.50

Mua một quyển gửi tiền về

trước ; 1 p.50 + 0 p.50

cước = 2 p.00 không bán

lãnh hóa giao ngân

HÀN-THUYỀN xuất bản cục

71, Phố Tiên Tsin, Hanoi

Đã có bán

ĐỜI VĂN

Quyển II

của Trần thanh - Mai
trong « Tủ sách phê bình ».

Giá 0 p. 95

Sắp có bán

Nghệ thuật làm việc

Nguyên tác của André Mau-
rois. Nguyễn xuân-Hug thuật.

Nhà xuất-bản

TÂN VIỆT → 49 Takou — Hanoi

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM**Trịnh - như - Tấu :**

1 — Hưng yên địa chí 0p.80

2 — Bắc giang địa chí 1.50

3 — Trịnh gia chính phủ 0.40

Đều có bán tại Đông Tây

thư quán

195 Phố Hàng Bông — Hanoi

**Những sách của
Lê-Thăng xuất bản**

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton

1-) Tiểu học Việt nam văn
Phạm giáo khoa thư Nguyễn-
quang-Oánh, sách đã được ban
kiểm sách duyệt y (1) 1 p.20

2-) Việt nam văn phạm,
Trần-trọng-Kim 2 50

3-) Grammaire Annamite
Trần-trọng-Kim 3 50

4-) Phật lục, Trần-trọng-
Kim 0 80

5-) De Hanoi la Cour-
tine Phạm-duy-Khiêm 1 50

ĐANG TẢI BẢN

Như giáo, 5 quyển Trần-trọng-
Kim. Sách in làm 2 loại, loại
thường và loại đặc biệt, toàn
bằng giấy dó. Loại đặc biệt in
có hạn, độc giả nào muốn mua
xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười
quyển trở lên có trừ 15 %.

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi

Administrateur Gérant ; Dương Tự-Quán